

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỔ NÀY :

- | | |
|---|-------------------------|
| * Hiếu-thượng | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Văn-hóa Đông-dương (II) | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Việc thâu phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá (Hết) | <i>Hoài-Dũng</i> |
| * Quyển Thi văn binh chú (X) | <i>Ứng-Hòe</i> |
| * Nhà văn hiện đại (quyển hai) (Hết) | <i>Khiết-Phủ</i> |
| * Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, VI) | <i>Phan khắc-Khoan</i> |
| * Cadop và Cadoek | <i>Dương-Kỵ</i> |
| * Tiểu-sử cụ thủ-khoa Nghĩa (II) | <i>Trực-Thần</i> |
| * Tuồng « Kim thạch kỳ duyên » (I) | <i>Nguyễn Đại-Liêng</i> |
| * Gia thế họ Đinh ở Hàm-giang (I) | <i>Tiên-Đàm</i> |
| * Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXII) | <i>Nguyễn-huy-Tường</i> |

Kiểu - Chương

HOA-BÀNG

XUÀ ta học chữ nho, mới vỡ lòng được độ một năm, nghĩa là sau khi học trọn cuốn *Tam tự kinh*, khoảng bảy, tám tuổi, đã được trau-giồi vào trí não cái tư-tưởng trọng sĩ mà khinh rẽ mọi nghề khác, bằng những câu thơ ngũ ngôn này :

« Mãn triều chu, tử quý :

« Tận thị độc thư nhân. »

Nghĩa là :

Hết thấy những người quan sang mặc phẩm-phục màu son, màu tía đứng đầy trong Triều-đình kia đều là hạng người « độc sách » cả.

Và :

« Bách ban giai hạ phẩm,

« Duy hữu độc thư cao. »

Nghĩa là :

Hàng trăm tầng-lớp khác đều hạ đồ thấp-kém cả, chỉ có hạng người « độc sách » là cao hơn.

Ta nên hiểu rằng hạng « độc sách » đây tức là chỉ về hạng sĩ, một hạng đã được xã-hội ta xưa liệt đứng đầu trong « tứ dân ».

Ấn phải cái tư-tưởng ấy từ bé, người mình đồ xô cả vào một trường hiếu-thượng; đi học, thi đỗ, làm quan rồi... tự mãn, tự túc, tự cao, tự đại !

Hiếu-thượng ấy đã được tỏ rõ mấy câu trong bài *Khuyến học*, tương truyền là của cụ Bạch-am Nguyễn Bỉnh-Khiêm (1) mà quen gọi là Trạng Trình :

Hữu nhân khuyến ngã : « sự
lương điền,

sinh-nghệp ư nông, cách thực
hiền ? »

Ngã vị : « lương điền phong hữu
khiêm,

« Thư điền tự cổ vô hung niên. »

Hữu nhân khuyến ngã : « chỉnh
viên-trang,

« Di-thụ, kỳ hoa, thú-vị trường ! »

Ngã vị : « chỉ viên điền địa
quảng,

« Tài thành quế thụ chi chi
hương. »

Hữu nhân khuyến ngã : « học
lương công. »

Thấu mặc, Lâu thẳng, xảo
dung công. »

Ngã vị : « nho công ma bút
phủ,

« Trác thành lương đồng miếu-
đường long. »

Hữu nhân khuyến ngã : « học
danh thương,

« Trục thị thương-triền mãn
cái làng. »

Ngã vị : « nho thương uẩn
mỹ ngọc,

« Cáp thời dĩ giá thụ quân-
vương... » (2)

Cứ như ý mấy câu thơ trích dẫn trên đây thì ngoài nghề học-hành khoa-cử, trăm công nghìn nghiệp khác đều không ra gì, chẳng đáng cho hạng sĩ nhúng tay làm đến ; và trừ phải « anh đồ », còn những nhà làm ruộng, nhà làm vườn, nhà làm thợ, nhà buôn này khác đều không đáng đếm-xỉa gì cả !

Hiếu-thượng ấy phải chăng đã đưa nước ta đến bước « văn nhược », rồi kết-quả đi chung một đường lậm-lạc như nước Chi-

na đến nỗi chác lấy câu phê-bình này của người ngoại-quốc :

— « Độc Mạnh-tử phú cường chi thư nhi vị thường bất thái tức ư kim nhật chi Chi-na dã ! »

Câu ấy, nghĩa là : Độc Mạnh-tử là sách chú-trọng về thuật phú-cường, thế mà không khỏi thở dài cho nước Chi-na ngày nay !

Tại sao người ta nói thế ?

Này, mở đầu cuốn *Mạnh-tử*, ta thấy nhà hiền-giả Mạnh-Kha nói ngay đến thuật phú cường, khuyên người ta phải chú-trọng đến việc nông tang, đừng làm lỗi mùa làm ruộng, đừng làm nhỡ lúa sinh-nở của loài gà mái, chó cái, lợn sề khiến cho trong nước ai ai cũng được no cơm ấm áo. Đó là chính-sách « duy-vật » trong khuôn-vòng nhân-nghĩa. Đó là những phương-thuật cốt-yếu cần phải thực-hành nếu muốn dân giàu, nước mạnh.

Nhưng vì người sau học lậm và hiểu sai, nên ta cũng như Tàu, chỉ đua nhau theo đuổi mạt-học là từ-chương khoa-cử, quên hẳn cái học căn-bản có thể đưa quốc gia lên chốn vũ-đài hùng-cường ; vì thế mới bị người ngoài phê-bình như vậy.

Nên nhớ : đời vua Lý Thái-Tông (1028-1054) đã biết chế xe « thái-bình » (năm ất dậu, Thiên-cầm thánh-vô thứ hai, 1045), chính Hồ Nguyên-Trừng lại biết chế súng « thần-cơ hỏa-sang » (3) (nhà Hồ : 1400-1407). Coi vậy, người mình không phải không có óc

phát-minh, sáng-chế; chẳng qua hiểu-thượng ngay một sai-lạc, dần dần cứ đi mãi vào con đường « hư văn », không thiết thực-dụng, nên mới ăn phải ác quả như kia!

Hiếu-thượng sai-lạc ấy cứ kéo dài mãi.

Đến khoảng năm 1907-1908, trong xã-hội ta còn nảy những biện-tượng « trái mùa »: phần đông còn mặt-sát cái thuật phú-cường của Thái-tây, coi « công-lợi » là những chuyện đáng鄙, chỉ có việc « ngâm thơ đọc phú » của mình là « vương-đạo », còn công nghệ kỹ-năng của người khác đều là « bá-thuật » cả! Cái bệnh ấy, mấy nhà thức-giả đương-thời quả đã kể đúng trong cuốn *Văn-minh tân học sách*: « Vì qui vương, rẻ bá, nên không thèm bàn-nói đến máy-móc khéo-léo, sự-nghiệp giàu mạnh của người ngoài... » (trích dịch nguyên văn chữ Hán).

Nói cho đúng, xưa học nho, người mình đã mắc cái hiểu-thượng sai-lạc: lấy sự đỗ ông thám, ông bảng, ông cống, ông nghè làm cứu cánh của việc học. Nay học tây, phần đông lại vẫn giữ cái hiểu-thượng nông cạn ấy: lấy sự làm nên ông tham, ông huyện, ông đốc... làm cái mục-dịch duy nhất ở đời!

Vẫn biết bằng cấp là những nấc thang cần phải trải qua để trèo lên lầu-đài học-vấn, nhưng nếu chỉ khu-khu lấy bằng-cấp làm cứu-cánh sự học, làm mục-dịch ở đời như thế, thì cục-lượng con người há chẳng quá hẹp, quá thấp, quá nhỏ-nhen?

Nếu ta chỉ làm cái bát cái chày, thì một gáo nước hoặc một thùng nước đổ vào cũng đủ đầy tràn;

nhưng nếu ta có chỉ làm biền thì nghìn sông mênh mông ngòi tha-hồ chảy vào cũng chẳng khi nào tràn-trề, ràn-rụa!

Than ôi! cái hiểu-thượng « làm bát, làm chày » của số đông người mình đã lộ rõ ở từ ngôn-ngữ đến cử-chỉ, từ hành-vi trong gia-đình đến động tác ngoài xã-hội. Chứng cứ ấy thật không thiếu gì trong những điều mắt thấy, tai nghe:

Người ta chơi câu đối? Phần đông không phải vì thích chữ tốt, yêu văn hay, nhưng vì muốn sĩ-diện ở mấy cái lạc-khoản có chức-tước!

Người ta in danh-thiệp? Không phải vì cốt thông tin-danh, tỏ địa chỉ song hành như chỉ cốt trưng những chức-sắc, tước trật và phẩm hàm!

Người ta đăng cáo-phó? Có lẽ ít vì cốt đề báo tang, nhưng phần nhiều cốt đề lợi-dụng cái chết của ông bà cha mẹ mà quảng cáo cái « danh-phận » của con cháu!

Cái bệnh hiểu-thượng bất chính ấy truyền nhiễm đến cả nữ-giới làm cho lắm người cũng mắc lây:

Các bạn có nhớ không? Một đạo ở xã-hội ta đã nổi lên cái phong-trào: « phi cao-đẳng bất thành phu-phụ! » Rồi vì thế trong cuộc hôn nhân đã xảy lắm chuyện lừa gạt rất buồn cười: hoặc mượn văn bằng của người khác để đưa cho nhà gái « sát hạch » trong khi cầu hôn; hoặc giả làm nhà tông-sự trong mấy tháng để nhà gái nếu có dò la vẫn thấy « sớm vác ô đi, tối vác về »!

Học giới nước ta sở dĩ trước giờ chưa có gì đáng gọi là tư-tưởng, học-thuyết, trình-độ dân ta

sở dĩ nhiều nơi hãy còn ấu trĩ thấp kém, có lẽ chỉ vì hiểu-thượng của người mình bấy lâu vẫn quá tầm-thượng!

Bây giờ nếu muốn nâng cao trình-độ, đưa quốc-gia lên bước tiên-tới, thiết tưởng, cần phải chữa ngay từ vấn-đề căn-bản ấy: gây lại hiểu-thượng!

Tôi xin đề nghị:

1.) Phàm nghề nghiệp gì có ích cho dân, lợi cho nước, ta nên tỏ ý tôn trọng cả, chứ không nên riêng qui một nghề sĩ-hoạn;

2.) Phàm muốn trọng ai, phải xét ở nhân-cách và chân giá-trị của người ấy, chứ không nên căn cứ ở cái danh hào, cái võ ngoài

3.) Từ trong gia-đình đến chỗ bạn-hữu ta nên kêu tên hoặc tự, hoặc hiệu của nhau, chứ đừng « tăng-bớt » nhau bằng những tiếng gọi theo trong bang-cải, chức-sắc;

4.) Trừ những việc làm có tính cách chuyên-môn hoặc như trường-hợp đặc biệt, cần phải có chức-sắc làm vật đảm-bảo không kẻ, ta không cần phải « vát vai » thêm gì vào chỗ cái tên trong sách của ta từ danh-thiệp cho đến lạc-khoản câu đối...

5.) Trong cuộc hôn-nhân, ta nên quảng bỏ cái lối kết hôn bằng điều-kiện, sẽ tránh được những sự lừa gạt ần sau bằng cấp hoặc trong tiền tài... Gây lại được hiểu-thượng như thế, thì một ngày kia, sẽ có hi-vọng kết hôn bằng á tính chân-chính được.

Nói tóm, thế-đạo thịnh hay suy là quan-hệ ở hiểu-thượng chân-chính hay không chân-chính, tương lai hay hay dở, cũng theo ở hiểu-thượng phải đủ hay không phải đường.

(Xem tiếp trang 9)

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRUNG-châu Bắc-kỳ là chỗ chôn rau cắt rốn của người Việt-nam; vì không có bờ cõi thiên-nhiên, nên thường bị nước Tàu xâm-chiếm. Các tướng Bắc-kỳ ngày xưa theo chế-độ phong-kiến, họp cả dưới quyền một ông vua: có ông có thực-quyền, có ông chỉ làm vi.

Đến đầu thế-kỷ thứ hai trước Thiên-chúa, Bắc-kỳ và miền phía bắc Trung-kỳ bị sáp-nhập vào nước Nam-việt là nước bấy giờ mới dựng lên bằng những tỉnh phía nam nước Tàu, là tỉnh Phúc-kiến, Quảng-đông và Quảng-tây, do Tần Thủy-hoàng chinh-phục vào cuối thế-kỷ trước. Sau Giao-chỉ (tức trung-châu Bắc-kỳ), Cửu-chân (tức phía bắc Trung-kỳ), đổi thành quận huyện nước Tàu. Hán Vũ-đế (khoảng năm 111 trước Thiên-chúa) lấy Nam-việt, giữ cả hai quận Giao-chỉ Cửu-chân, đặt thêm quận Nhật-nam, từ Hoàn-hson trở vào Huế Đà-nẵng.

Cứ thực thì gốc-tích người Việt-Nam là thế nào? — Có người nói người Việt-Nam đến ở đất nước Nam chưa lấy gì làm lâu lắm, do cuộc di-dân từ phía đông nước Tàu đi xuống, nhưng sách Tàu chép không rõ, nên có người đã bác thuyết ấy kịch-liệt, vậy không nên theo, chỉ nên nói rằng: rõ ra, chẳng biết gì về gốc-tích người Việt-Nam.

hắc là tạp-chủng, có lẽ tồn ở vào khoảng giữa trung-châu Bắc-kỳ đã lâu lắm, tiếng nói gần

giống với tiếng bọn Thái, so với người Mường ở Hòa-bình và Thanh-hóa thì giống lắm: có lẽ người Việt-nam bây giờ cũng là giống Mường, nhưng đã cảm-hóa theo Trung-hoa và lai đi lai lại mãi.

Giao-chỉ thành một nơi biên-trấn cõi nam của Tàu, để cho những nhà văn-học Tàu đến trú-ngụ, hoặc để cho quan Tàu bị viễn-lưu đến làm quan Buôn bán đường thủy hay đường bộ cũng phải qua lưu-vực sông Nhị-hà, cho nên Giao-chỉ (tức là đất Kattigara chép trong quyển địa-dư của Ptolémée khoảng thế-kỷ thứ hai sau Thiên-chúa) cũng được thịnh-vượng.

Cái ảnh-hưởng văn-minh đời Hán hiện còn nhiều vết-tích trong nước, nhất là những ngôi mộ xây cuốn bằng gạch, đào lên trong có đồ đồng và đồ gốm, đều theo cách-thức của Tàu.

Ở tỉnh Thanh-hóa, những mộ như thế thấy xây gần những mộ đơn-sơ hơn, có lẽ cỡ hơn một ít. Đây cũng nhặt được đồ đồ, phần nhiều là đồ đồng, tức là vết-tích của một nền văn-hóa riêng, người ta đặt tên là văn-hóa Đông-sơn, do tên chỗ đào được. Văn-hóa ấy nửa Tàu, nửa bản-xứ; người thời bấy giờ đã biết nghề đúc và nghề chạm kim-khi đến trình-độ khá cao.

Cái ảnh-hưởng của Tàu ở Bắc-kỳ gốc ở chính-trị. Trái với ảnh-hưởng của Ấn-độ ở phía nam

Đông-dương, gốc ở kinh-tế và buôn-bán, nhưng cái ảnh-hưởng này cũng sâu-xa lắm, vì có người văn-học, người tu-hành đi theo các nhà buôn bán và các nhà mạo-hiêm đến Đông-dương và quần-đảo Mã-lai để tìm kiếm vàng bạc và các thượng-phẩm quý-giá. Sau người văn-học và người tu-hành dạy dân phía nam Đông-dương cúng-tế theo đạo Ấn-độ (hindouisme) và đạo Phật Thích-ca, dùng chữ phạm làm văn-tự, và theo mẫu-mực mỹ-thuật của Ấn-độ. Ấy gốc văn-hóa Chiêm-thành và Cao-miên ở đây mà ra.

Cổi rể Chiêm-thành hình như ở tỉnh Quảng-nam bây giờ. Người Chiêm (ta gọi nôm là người Hời), nói một thứ tiếng hơi giống tiếng Mã-lai, cùng dòng giống Indonésien với mọi Rhadé, mọi Jarai và các giống mọi ở dãy núi Trung-kỳ. Các dân Indonésien dời bờ biển Đông-dương đã lâu để sang làm ăn ở quần-đảo Mã-lai và các đảo ở Thái-bình-dương;

HỒ BA BÈ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ HỒ BA BÈ?

xin mời các bạn hãy thân du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BÈ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Tri-Tân giá 2\$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHU-TÁU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

chỉ có Chăm với Mọi ở lại ở Đông-dương.

Năm 137 sau Thiên-chúa người Chăm đi cướp phá miền phía bắc (tức Việt - nam). Đến năm 192 chiếm được vùng phía nam quận Nhật-nam, rồi không bao lâu chiếm cả dải đất hẹp, một bên núi, một bên biển, là đất Trung-kỳ bây giờ, trừ mấy tỉnh phía bắc Hoàn-sơn (Hà-tĩnh, Nghệ-an).

Nước Chiêm-thành còn để lại những dấu tích rục-rỡ của người xưa, là những tháp bằng gạch, trang-điểm bằng những thứ chạm đá sỏi, lễ-lối và kiểu-mẫu rõ-ràng của Ấn-độ; trong tháp có những pho tượng Bà-la-môn hoặc pho tượng Phật. Những tháp hệ-trọng nhất là tháp ở Mỹ-sơn, Trà-kiệu và Khương-mỹ, thuộc tỉnh Quảng-nam, những tháp ở tỉnh Bình-định, tháp Pô Nagar ở tỉnh Nha-trang, xây vào khoảng thế-kỷ thứ bảy và thế-kỷ thứ mười-hai sau Thiên-chúa. Cái lễ-lối của Ấn-độ sau mất dần đi, mỹ-thuật lại quay về lễ-lối của người bản-thổ.

. ***

Người Việt-Nam không bao giờ đành lòng chịu ở dưới quyền người Tàu. Trong mười thế-kỷ nội-thuộc từ năm 111 trước Thiên-chúa đến năm 938 sau Thiên-chúa, người Tàu phải dẹp nhiều phen loạn-lạc. Kỳ đầu tiên, hệ-trọng hơn

hết, có hai người đàn bà, là hai bà Trưng, con một vị Lạc-tướng (năm 40 sau Thiên-chúa), làm cho Mã-Viện phải sang đánh (năm 43 sau Thiên-chúa), rồi bắt nước Nam theo hẳn nước Tàu về đường cai-trị, học-hành.

Những quan cai-trị của Tàu phải chống giữ quận huyện nước Nam với bọn Mã-lai ở ngoài biển vào cướp năm 767, rồi đánh nước Nam-chiếu (là nước Thái ở phủ Đại-lý, tỉnh Vân-nam) từ năm 862 đến 866; còn nhiều phen phải chống với Chiêm-thành, nhất là vào năm 446 và năm 605.

Nhà Đường mất, bên Tàu loạn, nước Nam thoát vòng nội-thuộc vào khoảng giữa thế-kỷ thứ mười; thế rồi có các triều vua ta lên cầm quyền, như Đinh (968-980), Lê (980-1009), bấy giờ nước Nam mới thực-hành với các nước láng giềng phía nam cái chính-sách mở rộng bờ cõi. Đến đời Lý (1009-1225), đời Trần (1225-1400), người Chiêm-thành phải lùi xuống

mấy tỉnh miền Nam; ở đây lại bị người láng giềng phía tây công kích là người Cao-miền.

Vào nửa dưới thế-kỷ thứ mười ba, quân Mông-cổ sang xâm-phạm nước Nam, thắng lợi chẳng được bao lâu, làm cho người Nam với người Chăm giải hòa được một hồi. Hết cơn nguy-biến, Nam với Chăm lại đánh nhau dữ dội hơn đến đời Chê-bông-nga (1360-1390) mới nổi lên một phen cuối cùng, rồi phải nhường hết tỉnh này đến tỉnh khác cho người Nam, tức là cả đất Trung-kỳ bây giờ. Thế là nước Chiêm-thành cứ bị nhấm dần từ phía bắc, rồi mất hẳn tên trên bản-đồ Đông-dương. Ngoài những ngôi tháp hiện chỉ còn từng chòm người một; từ thế-kỷ thứ mười-lăm những người này đã theo đạo Hồi như người Mã-lai là anh em cùng giống (Lược - dịch bài G. Coedès, *Les civilisations de l'Indochine*).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN 10

VÌ DỌN NHÀ IN

Tuần lễ sau, Tri-Tân vì phải dọn nhà in, tòa soạn và ty trị-sự đến ở cả số nhà 95—97 phố Chanceaulme, Hà-nội; công-việc xếp-dặt không thể chốc-lát xong ngay được, nên bất-đắc-dĩ phải nghỉ một kỳ báo. Vậy số 100 sẽ ra nhằm ngày 24 Juin 1943. Vậy xin các bạn quý-mến lượng-thứ cho, Vạn tạ.

Lại mong, sau khi dọn nhà, các bạn có gửi thư từ bài-vở, xin cứ đề theo địa-chỉ mới ấy.

TRI-TÂN

Muốn mua lại những số báo **LOA** này:

2, 7, 8, 17, 35,
55, 60, 73, 75.

Ai có xin cứ đem lại tòa báo Tri-Tân.

LỊCH-SỬ KÝ SỰ

VIỆC THÂU PHỤC NƯỚC THỦY-XÁ VÀ HOẢ-XÁ

Số 2

HOÀI - DŨNG

Phong-tục hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá có nhiều cái lạ. Hai nước ở gần nhau, dân-gian vẫn thường qua lại trao đổi đồ-vật, nhưng quốc-vương không bao giờ dám hội-kiến nhau. Họ tin rằng hễ thấy nhau thế nào cũng một người bị chết, vì tuy họ không có học thuyết ngũ-hành sinh-khắc, song họ vẫn cho là thủy hỏa bất hợp.

Ở nơi sơn-dã, quốc-vương cũng như thường dân, sống một cuộc đời hết sức bình-dị. Cung-diện chỉ là mấy tòa nhà tranh rộng-rãi trong bày-biện qua loa mấy cái giường tre. Quốc-vương ra vào, hầu cận chỉ có mười người. Triều-phục chỉ có mấy cái xiêm dài đến bắp vế mặc để hở đùi. Quốc-sự thường không có, vua chỉ thỉnh-thoảng vào đền cúng lễ cho dân, mỗi khi họ bị tật bệnh đến cầu. Vua không bắt dân nạp thuế, mỗi lần có cần đến thứ gì thì dân dâng-tiến. Lúc vua, thăng-hà, ngai báu chỉ truyền lại cho em hoặc cháu, nếu không có em, không có cháu, bắt buộc dĩ phải truyền lại cho con, đó là một điều bất-lợi cho nước nhà, cho dân gian.

Đàn hai nước đều theo chế-độ mẫu-tộc. Trai gái được tự-do lựa chọn đôi-lựa, một khi đã ưng nhau, trai mang heo rượu đến nhà gái, mời thân-thích đến uống rượu, bữa rồi ở rề bên nhà gái. Việc tang-tế của họ cũng rất quái đản, chết để trên một chiếc tre, trong miệng bỏ đầy một nắm cơm, mỗi người bà con đến

điều lại móc nắm cơm ấy ra, bỏ nắm cơm khác vào, luôn trong ba ngày như vậy, lúc ấy họ tin người chết đã thành ma, sẽ bảo vệ cho gia-dình của họ, họ mới khiêng cả chõng tre đi chôn, thi-thể vẫn để ý như cũ không bỏ vào quan-quách gì cả.

Trình-độ trí-thức của dân-gian còn hết sức kém, chỉ biết ngày đêm, chớ không biết năm tháng, họ chỉ lấy mùa lúa chín làm một thời-gian mà tính; kịp đến khi Chúa Nguyễn truyền cho ba năm phải cống một lần, họ cứ tính mỗi mùa lúa chín là một năm, mà một năm hai mùa lúa chín, thành thử mấy lần đầu mới một năm rưỡi họ đã xuống cống một lần. Mỗi khi họ có việc gì cần phải ghi nhớ, như vay mượn tính-toán, thời họ phải lấy giấy thắt từng nút một để nhớ.

Về đời Gia-Long, sứ hai nước xuống nạp cống-phẩm ở Phú-yên. Đầu đời Minh-Mệnh, vua Hỏa-xá là Ma-Ất (đời Minh-Mệnh chép là Thủy-xá, Thiệu-trị nguyên niên mới cải-chính lại là Hỏa-xá) sai sứ xuống nạp cống-phẩm ở đồn Phú-sơn. Ma-Ất chết, dân cử người em là Ma-Mô lên nối ngôi, Ma-Mô chưa kịp sai sứ xuống cống thì bị bệnh chết. Người em là Ma-Lam lên nối, muốn theo quốc-lệ xuống triều-cống, nhưng không làm sao kiếm ra được sứ-giả biết thạo đường lối.

Năm kỷ-sửu (1829), vua Minh-Mệnh thấy hai nước không xuống cống, liền hạ Chỉ sai viên đội tỉnh Phú-yên là Nguyễn-văn-Quyền lên xem xét tình-trạng. Nguyễn-văn-

Quyền lặn-lội vượt qua bao chỗ rừng núi hiểm-trở mới lên đến nơi đô-thành. Ma-Lam thấy sứ lên rất mừng rỡ, vội vàng sai Ma-Diên, Ma-Xuân mang cống phẩm theo Quyền xuống nạp. Vua Minh-Mệnh truyền cho Phú-yên tỉnh-thần phải hậu-dãi sứ-giả ban cho Ma-Lam hai mươi súc sô sa, và cho Ma-Diên, Ma-Xuân bạc lượng cùng vóc lụa.

Năm tân-mão (1831), sứ Hỏa-xá xuống Phú-yên nạp cống phẩm, vua Thánh-tổ cho triệu về kinh bệ kiến.

Sứ vào chầu, vua ban hỏi: « Việc triều-cống là do quốc-vương nhà ngươi thành-tâm, hay là do đồng-dân nguyện? » Sứ quì tâu: « Việc triều-cống là do chúa tôi thành-tâm, vì mỗi lần cống phẩm nạp xong, thời nhân-dân được bình-an vui vẻ, và mùa-màng được tốt bội phần. » Vua Thánh-Tổ ban khen và truyền cho cứ ba năm cống một lần... Cống-phẩm là một cặp ngựa voi, một cặp tê-giác.

Năm giáp-ngọ (1834), sứ Hỏa-xá xuống cống, vua cho triệu về kinh, cho ban áo mào quan thất-phẩm, bắt tập lễ bái cho hợp phép rồi vào triều yết. Vua lại sắc tứ cho quốc-vương Hỏa-xá là Ma-Lam tập tính Vĩnh-Bảo. Vĩnh-Bảo mất, người cháu tên Liệt lên nối ngôi, vua phong cho là tân-tự-vương, đề, theo như lời Chỉ, « tỏ lòng nhân-đức lễ-nghĩa của nước lớn đối với nước nhỏ. »

Năm canh-tí (1840), nhân lễ ngũ-tuần đại-khánh, vua Thánh-Tổ truyền cho sứ Hỏa-xá vào cống,

rồi tặng cho rất nhiều vật báu đem về. Lúc bấy giờ Trấn-tây quan là Trương minh-Giảng dâng sớ tâu rằng ; ở miền huyện Sơn-tĩnh có quốc-vương Thủy-xá thường sai người qua lại cho đồ-vật. Trương minh-Giảng cũng đưa đồ-vật tặng lại và dụ về hàng. Ngoài các đồ như ngà voi, tê-gác, vua Hỏa-xá lại tặng cho một vật lạ là một bầu vừng 1 bầu gạo trắng 1 phiến sáp ong to. Trước khi đem cho, vua dùng phép đọc thần-chủ, hơ miếng sáp ong cho nóng, in năm ngón tay lên trên, đoạn sai người đem tặng và dặn rằng ; hễ khi nào gặp cuồng phong, tạt vũ, hoặc đại-hạn hoặc binh-đao, thời dùng sáp ấy làm thành hai cây đèn lớn, đốt lên cầu, rồi hô Hỏa-vương, Thủy-vương đến cứu, đoạn lấy một nắm gạo và mè vừng ném tung ra, như vậy thời được thoát khỏi tai nạn.

Vua Thánh-Tồ nghe tâu, liền hạ Chỉ sai Trương minh-Giảng phái người lên dò xét địa-thế diện tích nước Thủy-xá thế nào rồi làm sớ tâu vua rõ. Việc sắp làm thời ở Trấn-tây có giặc, phải đình lại. Vua Thánh-Tồ lại hạ Chỉ sai Phú-yên tỉnh-thần phái Lê-văn-Quyền bá-hộ ở gần đồn Phú-sơn là người thông-thạo tiếng mọi lên xem xét tình-hình hai nước. Lê-văn-Quyền mang đồ-vật đi theo để lên tặng hai vua và để mua chuốc lòng tin.

Lê-văn-Quyền lần-mò lên đến tận dò-thành Hỏa-xá trải bao sự gian-nan kinh-khủng dọc đường. Gần đến nơi, Lê-văn-Quyền sai người báo tin cho Hỏa-vương biết trước. Theo một tên man-đinh dẫn đường, Lê-văn-Quyền thoát tiên đi vào một toà nhà

tranh lớn, chính giữa đặt giường tre, hai bên treo chiêng trống, đồng-oa v. v... trông tuy giản dị sơ-sài song cũng có cái nghi-vê một chỗ ở của ông chúa sơn-lâm. Lê-văn-Quyền chưa kịp ngồi thời đã thấy hai m roi tên man-đinh, sừng-sộ cầm đoản đao mang đến đề trên giường tre, một chèo rượu, một bó ống trúc, một con heo to và ba khối mỗi trắng, người nào cũng trừng-trừng trông Lê-văn-Quyền một cách rất dữ tợn. rồi rủ nhau bỏ hết làm thịt heo, rồi ngồi chờ quốc-vương ra.

Một lúc sau, quốc vương bận xiêm ngũ-sắc đi ra. Bấy mười tên man-đinh bận toàn đồ trắng, bịt khăn trắng, đuôi đề trường đi theo-hầu. Quốc-vương cùng Lê-văn-Quyền phân vị chủ khách ngồi trên giường tre, mỗi người ăn ba miếng thịt, đặt ống trúc vào chèo rượu uống, ở hai gian nhà hai bên chiêng trống nổi lên tưng-bừng. Bốn tên man-đinh ra chính giữa sân nhảy múa, một tên thời quì xuống vỗ đít đánh nhịp. Ăn uống xong, quốc-vương mới mời Lê-văn-Quyền ngồi lại gần đề đàm-phán quốc-sự...

Thủy-xá và Hỏa-xá cứ theo lễ triều-cống ba năm một lần, mãi đến đời Tự-Đức mới thôi. Nước Thủy-xá lớn hơn, cống một cặp ngà voi, một cặp sừng tê, còn nước Hỏa-xá nghèo chỉ phải cống một chiếc ngà voi, một chiếc sừng tê mà thôi.

Nam 1893, nhà cồ-học Odendhal, nhân-viên trường Viễn-dòng Bác cồ, nguyên công-sứ, đi thám hiểm dò xét hai nước ấy. Công việc thám-hiêm rất khó-khăn nhiều

lúc suýt nguy đến tính mạng. Mười hăm sau, theo lệnh quan Toàn quyền, Odendhal lại đi thám-hiêm ở xứ Lào dọc theo đường ở Phú-yên (Cung-sơn — Cheoreo) Lúc bấy giờ miền Mọi đang loạn vì ở mặt tỉnh Bình-định, quan Giám binh Vincillioni đang đem quân đánh bọn Mọi thường hay xuống cướp phá các làng an-nam ; vì vậy khi Odendhal đi đến Paleo-Chu, viên một đồn ở đó muốn sai một toán quân đi hộ-tống, nhưng Odendhal không nhận. Thấy viên đồn sợ bị trách nhiệm Odendhal liền viết một miếng giấy chứng thực (1) đưa cho viên đồn. Odendhal không nhận binh hộ-tống vì sợ bọn Hỏa-xá thấy người mang khi-giới tưởng là lên đánh giết chúng nó rồi việc kháo cứu nhân-dân thủy-thô, phong-tục càng thêm khó-khăn.

Odendhal vào tận chỗ vua Hỏa-xá ở. Vua Hỏa-xá là Euil-At lem
(Xem tiếp trang 2)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO-LAO

những phương pháp ngừa lao, san sóc người phôi y u và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$ 00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanoi : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông
Huế : Hiệu sách Văn Ho
29 M. échal Pétai
Saigon : Nhà sách Nguyễn
Khánh Đàm, 12 Ru
Sabourain.

Có in ít bản gray đẹp ha ha
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm

QUYỀN THI VĂN BÌNH CHÚ

: Số 10

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VI. — Phan-thanh-Giản (1)

« Năm Tự-đức thứ 19 (1866) cụ Phan thanh-Giản lại lấy cớ bệnh già xin nghỉ. Vua quở rằng : « Vừa mới trông mong, chưa xong việc ! Lão - thần là người kiến-thức, sao lại nói thế ? »

« Tháng nam nam Tự - đức thứ 20 (1867) phái - viên nước Pháp tem thuyền quân đến bến Vĩnh-long, sai người đưa thơ, bảo nhường nốt ba tỉnh Vĩnh - long, An - giang và Hà - tiên. Cụ Phan-thanh - Giản đi thương - thuyết, không xong. Cụ mới xin với phái-viên chớ làm kinh-dộng nhân-dân ; hững tiền và lương hiện chứa ở kho, xin để quan ta trông coi : quan Pháp bằng lòng. Được một lúc cụ trở về, thì quân Pháp đã hốt mặt vào thành. Chợt có tin báo hai tỉnh An - giang và Hà-tiên cũng thế : không đầy năm ngày ba tỉnh kế tiếp nhau thất thủ. Cụ Phan-thanh - Giản tự nghĩ là vô-ông, đem số tiền lương của ba tỉnh hiện còn trừ vào tiền bồi-thường một tram vạn đồng, rồi đem áo triều, ấn tín và di-sớ về nộp vua. Sớ rằng : « Nay gặp thời gian-bĩ : việc dữ khởi ở trong cõi, khi xấu hiện ở biên - thủy ; việc với Nam-kỳ một chốc đến thế này, không thể ngăn - cản nổi, nghĩa gì đáng chết, không dám sống nữa-thả, để cái nhục cho quân-qu. Đức Hoàng - thượng rộng xét nay, biết rõ trị loạn : người ăn kẻ hiền, trong nước cùng giúp đỡ, kinh cần phép trời, trong người cùng khổ, lo trước

tính sau, đổi dây thay bánh, thế-lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ, nghẹn-ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến - luyến, trông mong khôn xiết. » Rồi không ăn, uống thuốc độc chết. Năm ấy cụ 71 tuổi.

« Năm Tự-đức thứ 21 (1868), truy tước, chức, hàm của cụ, xóa tên trong bia tiến-sĩ. Đến năm Đồng-khánh thứ nhất (1886), mới cho khai phục nguyên-hàm, dựng bia như cũ.

« Cụ Phan-thanh-Giản là người ngay thẳng hiền - lành, giữ lòng liêm-khiết, làm quan siêng-năng cần - thận, gặp việc dám nói, thờ ba triều vua, vốn được vua yêu mến. Kịp khi cầm cờ tiết vào Nam, thế không làm gì nổi, biết tội tự xử mình. Giá vào người khác thì thực khó : xem di-sớ, lòng trung ái đầy dẫy ở lời nói. Vả lại học nhiều lời rộng : đức Dục-tôn Anh-hoàng-đế (Tự-đức) mỗi khi thông-thả, cùng các quan bản làm văn, thường khen cụ là bậc cõn-hã. Những danh-thần ở đất Nam Trung sau này ít người hơn được. Binh-sinh trước-thuật, có *Lương-khé thi văn* tập lưu hành ở đời.

« Cụ được hai người con : con lớn là Thanh-Liêm làm quan đến thượng - thư, con thứ là Thanh-Tôn làm quan đến hồng-lô tự thiếu khanh. Con Thanh-Liêm là Thanh-Khắc được ấm-thụ, dần dần làm đến viên-ngoại-lang ở viện cơ mật. »

Tiêu-sử cụ Phan-thanh-Giản theo trong *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện* (quyển 26, tờ 29 a-30 b)

thì chép như thế : tuy là sơ lược, nhưng cũng đủ truyện. Ông Ngô Tất-Tổ không biết theo, nên chép sai : như trang 124 (quyển *Thi-văn bình-chú*, II) ông nói : « Năm Tự-đức thứ 15, khi mà quân Pháp-lan-tây và quân Tây-ban-nha lấy mất ba tỉnh Định-tường, Biên-hòa, Vĩnh-long... » : tỉnh Định-tường và tỉnh Biên - hòa thất thủ từ năm trước, là năm Tự-đức thứ 14, tức năm 1861 (xem Nguyễn-bá-Trắc, *Hoàng-Việt giáp - ti niên biểu*, quyển hạ, trang 207-208 ; P. Cultru, *Histoire de la Cochinchine française, des origines à 1883*, trang 78). Đến năm Tự - đức thứ 15 (1862) quân Pháp mới lấy tỉnh Vĩnh-long, nhưng sau khi ký hòa-ước (ngày 5 Juin 1862), lại trả Vĩnh - long cho vua ta, cụ Phan-thanh-Giản đổi làm tổng-đốc Vĩnh-long ; mãi đến năm 1867 (Tự-đức thứ 20) mới nhường nốt với tỉnh Châu-đốc Hà-tiên.

Những tập văn thơ của cụ Phan-thanh-Giản, ông Ngô Tất-Tổ cũng chép thiếu và chép sai. Hiện Trường Bác - cổ sưu-tầm được những-quyển sau này : 1, *Lương-khé văn thảo*, số A 292 là một tập văn chữ Hán, trường Bác-cổ sao lại được 141 tờ : từ tờ 1 đến tờ 50 trùng với tập *Lương-khé thi văn thảo* là sách in. — 2, Sách *Lương-khé thi văn thảo*, số A 2125, có bốn tập : tập một và tập hai là thơ, tập ba là văn, tập bốn là bồ-di, có bài tựa của cụ Thương - sơn, tức Tùng-thiện quận-vương Miên-Thầm, đề năm Tự-đức thứ 19 (1866), in năm Tự-đức thứ 29 (1876), do Tùng-thiện quận-vương xuất bản. — 3, *Sử-trình thi-tập*, số A 1123, sách viết, là tập thơ chữ Hán khi

cụ đi sứ Tàu năm Minh-mạng thứ 13 (1832).

Cụ Phan-thanh-Giản còn đứng đầu Sử-quán làm bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, và bộ *Khâm-định đối sách chuẩn thẳng* là một tập văn làm mẫu cho cử-nhân thi hội.

Còn những bài thơ nôm mà ông Ngô Tất-Tổ sao lại sai-nhầm thiếu-sót thế nào, *Tri - Tân*, số 89, 96 và 97, đã đăng rõ, tôi chỉ thí-dụ bài *Tuyệt mệnh* thứ hai là bài của ông Nguyễn đình-Chiều (tác - giả quyền *Lục-vân-Tiên*), mà ông Ngô Tất-Tổ chép là của cụ Phan-thanh - Giản ! Bài thơ ấy có chữ Ngao-châu là tên bãi chỗ cụ ở, thế mà ông Ngô Tất-Tổ « chú dẫn » là « cội của cá ngao, chỉ về những xứ loạn-lạc » ! Lại có câu « Minh-tinh chín chữ », ông Ngô Tất-Tổ « chú dẫn » chỉ viết có bảy chữ, là « Hải nhai lão thư sinh chi cữu », dẫn cả chữ nho, cũng chỉ có bảy chữ ! Có lẽ ông Ngô

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc

á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. . .	3 \$ 50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. . .	2 00
Khoa chữa Phổi. . .	1 00
Khoa chữa mắt. . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa. . .	1 00
Sinh lý học. . .	1 00
cước quyền lớn 0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.	

Hỏi : M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.

Tất-Tổ đếm kiêu Chiêu-Hồ Xuân-hương ! Chín chữ ấy, người ta có tìm thấy trong di-bút của cụ Phan-thanh-Giản như sau này : « Minh-tinh thỉnh tỉnh, nhược vô, ứng thơ : « Đại-Nam hải nhai lão thư - sinh tính Phan chi cữu », diệp dĩ thử chi mộ », Nghĩa là « Minh - tinh xin bỏ ; nếu không, chịu bỏ, thì nên viết thế này . « Cái cữu của người học-trò già, ở góc bể Đại-Nam là họ Phan », mộ-chi cũng đề như thế ». Sở dĩ gọi là chín chữ là tính từ chữ « Đại-Nam hải-nhai lão thư-sinh tính Phan ». Cứ như thế là cụ dạn bỏ minh-tinh, bất-đắc-dĩ hãy viết, chứ không phải như lời ông Ngô Tất-Tổ nói cụ « tự tay viết sẵn chín chữ Hải nhai lão thư sinh chi cữu (Linh cữu của người học trò già ở bờ biển) để làm lòng minh tinh ».

Nói tóm lại, từ tiêu-truyện đến sao-lục văn thơ và chú-thích dẫn-giải, ông Ngô Tất Tổ làm rất dối-dá, đã không bỏ ích gì, lại thêm hại nữa, vì nhầm-lẫn nhiều quá, mà toàn là những chỗ-hệ-trọng, như bài ông này sao cho ông kia, việc năm trước chép vào năm sau, tên đất nọ dẫn ra tên đất kia, v. v. !

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VÂN-TỔ

1) *Tri - Tân*, số 97 trang 4, đăng chỗ quán-chỉ của cụ Phan-thanh-Giản, in nhầm mất mấy chữ, nay tôi lấy quyền *Khâm-bi* lục hợp biên (sách in bằng chữ nho, tờ 4 a) dịch ra sau đây, để độc giả đủ tài liệu khảo - cứu : « Cụ Phan - thanh-Giản, người thôn An - thịnh - hoà, huyện Vĩnh - định phủ Định - viễn, trấn Vĩnh - thanh (Vĩnh-thanh sau đổi Vĩnh-long »

Hiếu thượng (Tiếp theo trang 3)

Hồi đầu Trần sở-dĩ lập được võ-công oanh-liệt như vậy, là vì vua - chúa gây được cái hiếu-thượng cao-khiết, hy-sinh, hoàng gia gây được cái hiếu-thượng hữu ái, nhất thể, quốc dân gây được cái hiếu-thượng phần đấu vì nước. Coi vậy, vấn-đề hiếu-thượng há chẳng có ảnh-hưởng lớn đến van trị võ công, dân sinh quốc kế lắm sao ?

HOA - BẢNG

(1) Trong truyện « Nguyễn Bình Khiêm » ở sách tả đươg phong và chí của Trần Đàm Trai làm năm tân-mùi niên hiệu Gia long thứ mười (1811) có chép : «... (Cụ Nguyễn Bình Khiêm) có làm rất nhiều thơ phú và những bài bằng quốc-âm. Nay có Bạch văn am hi tập di (ảo, Khuyển họ ca và Trung An quán phú hành thế »

(2) Di-ho nghĩa ra văn xuôi :

Có người khuyên ta nên làm ruộng sinh nhai bằng nghề nông, xem đàng nào hơn ?

Ta đáp : làm ruộng có lúc được mùa, có lúc hỏng, chứ « cấy ruộng sách » thì từ xưa đến giờ không năm nào là mất mùa cả.

Có người khuyên ta chăm vườn được, trồng cây lạ, hoa kỳ có thú vị mãi mãi.

Ta đáp : làm vườn trên mặt giấy thì thật rộng rãi, tha hồ trồng quế để lấy nhiều cành thơm tho.

Có người khuyên ta học làm thợ theo mực thước của Công Thầu và Lý Lâu xưa thì chắc khéo léo và đặng được việc

Ta đáp : tay thợ nhà nho mài cây rìu bằng bút, đẽo thành những rường cột của miếu-đường thì vẻ vang biết bao !

Có người khuyên ta học đả-buồn, mở cửa hàng buôn bán phổ-phương thì sẽ thu lợi đầy nấp hòm.

Ta đáp : chỉ bằng buôn bán nghề nho, cứ treo cao giá ngạo trong rường khi gặp thời, đem cho vua-chúa thì sẽ đắt.

(3) Có lẽ là khúc sủng hỏa-m,

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

(Quyển hai)

Của Vũ Ngọc Phan

Số 2

KHIẾT PHỦ

Hoặc về mấy câu thơ khác :

« Một con gà mái con,
« Chẳng nghe lời mẹ bay
« Xa chuồng đi hóng mát
« Nghĩ mình sung sướng thay »
(Nguyễn-văn-Ngọc)

« Chữ « bay » dùng đây là chỉ
đề có thể hạ mấy chữ « sung-
sướng thay » thôi chút đã nói :
« một con gà » thì không thể
dùng hai chữ « mẹ bay » để
chỉ mẹ nó được » (N. V. H. Đ.
II trang 410).

Tôi hãy xin nói : đây ông Vũ
ngọc-Phan nhằm, tác-giả bài thơ
ngụ-ngôn trên này không có ý
dùng chữ « mẹ bay » để nói « mẹ
nó » Mấy câu thơ ấy có nghĩa
như sau này :

• « Một con gà mái con, chẳng
nghe lời mẹ, bay xa chuồng đi
hóng mát... ». Chắc có người bảo
con gà mái con thì « bay » thế
nào được. — Xin giả lời rằng con
gà mái con đây đã đủ lòng (vì
nhận thấy là con gà mái) nếu nó
không bay được xa như con chim
cũng có thể bay gần và ta phải
hiểu chữ bay như thế để đừng
đem nhiều lỗi về cho mấy câu thơ
của một nhà văn đã quá-cổ.

Chỉ vì thấy Vũ quân bay chú ý
về những điều tỉ-mỉ quá, có một
nhà văn đã bảo tôi : « Đọc bài
« Trần trọng Kim » trong Nhà
văn hiện đại II tôi chỉ nhớ ông
Trần trọng Kim là một nhà văn

đã có lần nhầm cái lý thái cực
với cái lý vô cực, nhầm nghĩa
chữ quân với quân quyền ». Anh
bạn đã khôi-hài nhưng trong
sự khôi-hài ấy có một phần lý-thú,
nó đã tỏ được sự khó chịu của
người đọc cứ phải cùng Vũ quân
đi tìm chữ nhầm trong những
văn nghiệp có hàng chục pho sách
gồm hàng nghìn hàng vạn trang.

Ông Vũ ngọc Phan cho rằng nhà
phê-bình không phải :

— Xét tác-phẩm của các nhà
văn qua thân thể của nhà văn ;

— Tìm cho ra những tôn-chỉ và
lý-thuyết về văn-học của mỗi nhà ;

— Nghị-luận cho có sự liên-lạc
giữa nhà văn nọ với nhà văn kia...

Ông cho đó là công-việc của
nhà văn-học-sử. Theo thiên ý thì
công việc của nhà phê-bình và nhà
văn-học-sử không phân-biệt rõ ràng
như thế. Những công việc kể trên
tuy là của nhà văn-học-sử, nhưng
nhà phê-bình cũng không nên bỏ
qua. Hơn nữa, không được bỏ qua.
Vì nghĩ thế, nên tôi ước ao rằng
khi đọc bài phê-bình « Trần-trọng-
Kim » chúng tôi không phải theo
tác-giả xét lại những sự lầm lẫn
nhỏ ông Trần đã « chữa lại rất
cẩn thận » mà được thấy tác giả
đứng xa những tác-phẩm của ông
Trần đem con mắt tổng-quát nhìn
những tác-phẩm ấy !

Tại sao ông Trần lại soạn những
bộ Nho giáo, Việt-nam sử lược,
Việt-nam văn phạm ? Giữa
những tác phẩm ấy có sự

liên-lạc mật thiết gì không ?

1-) Soạn bộ Nho giáo, tác giả
muốn vẽ lại cái « bản đồ một ngôi
nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không
ai sửa-sang để đến nỗi bị cơn gió
bão đánh đổ bẹp xuống »...

« Song cái nhà cổ ấy, tự nó là
một bảo-vật vô giá, không lẽ để
nó đổ nát đi mà không tìm cách
giữ lấy cái di-tích. Không gì nữa
thì ta cũng phải vẽ lấy cái bản
đồ để sau biết rằng cái nhà ấy khi
xưa đẹp thế là thế mà sau đổ nát
là thế ». (Tựa Nho giáo).

Cái nhà ấy là cái nhà của mình,
cái nhà nó đã làm cho dân-tộc
ta là dân-tộc ta, giữ được nó tức
là giữ được cái tinh-thần của ta, cái
gốc của ta, như ông Trần đã nói.

2-) Soạn bộ Việt-nam sử lược
cũng vậy. cũng không ngoài mục-
đích bảo-tồn lấy những cái thuần-
túy của mình, những cái nó hợp lại
thành cái tinh thần của dân-tộc mình.

Ông đã nói : « Người trong
nước mình mà không hiểu sự-
tích nước mình có khác nào trong
gia-đình mình không biết ông cha
mình... không biết thì yêu nước,
yêu nhà thế nào được ? »

3-) Tôi có thể viện những lẽ
trên để chứng tỏ cái mục-đích
quốc-gia của ông khi ông soạn
bộ Việt-nam văn-phạm.

Tôi còn nhớ trên tờ Tri-Tân
này, (1) đã có lần ông Trần
tuyên bố đại khái : « Tôi tưởng
người Việt-nam ta ngày nay
nếu có còn cái gì thì chỉ kể
được cái hương hỏa về tinh
thần (văn hóa, lịch sử, từ ngữ)
của tổ tiên ta để lại. Cái hương
hỏa ấy tức là cái gốc của ta.
Bồn phận của ta là phải vun
đắp thế nào để giữ lấy cái gốc
ấy mãi mãi. Được như vậy

thì dù ở vào cảnh-ngộ nào ta cũng không lo một ngày kia ta không có một tương-lai.»

Đó, sự liên-lạc của những tác-phẩm của ông Trần-trọng-Kim là thế. Tôi chắc chẳng riêng gì tôi mà phần đông độc-giả đọc một bài nói về ông «Trần trọng Kim» — hay nói về tất cả những sách của ông — cũng muốn được biết sự liên-lạc ấy hơn là biết rằng ông Trần-trọng-Kim đã dùng nhằm chữ gì ở trang nào trong quyển nào.

Và đây chỉ là một thí-dụ. Về những nhà văn Nguyễn văn Ngọc, Nguyễn văn Tố, Đào duy Anh, Phan Khôi... cũng thế.

Nói đến nhà văn Phan Khôi, tôi không thể không tỏ sự bất mãn của tôi khi đọc bài phê-bình về *Nhà văn hiện đại* này.

Ông Phan Khôi là người thế nào, có phải là một nhà văn có óc cách mệnh luôn luôn muốn lật đổ nền tư-tướng cũ, nền văn chương cũ không? Ông Vũ ngọc Phan không cho ta biết.

Ông Phan Khôi là một nhà nho đã viết 21 bài đăng trong báo *Thần chưởng* từ 3-10 đến 18-11-1929 đề công kích Không giáo, và đề, vì không thấy có tiếng vang-dội, «hai hàng nước mắt trào ra trên giấy.» Ông Vũ ngọc Phan cũng không nói đến. Có lẽ ông cho rằng bài nghị luận trên này chỉ là một bài đăng báo, không đáng chú ý.

Ông bỏ qua bài ấy, bài nó tỏ rõ nhất được cái cá tính của ông Phan Khôi, ông đề giấy viết chề quyền tiểu thuyết *Trở vô lửa ra*, quyền tiểu thuyết mà có lẽ ông Phan Khôi viết là chỉ vì muốn bán lấy ít tiền. Cái phần sự nghiệp nó

đã làm sống Phan Khôi có phải tiểu thuyết ấy đâu, mà là những bài nghị luận, tính bài công kích Không-giáo là một.

Tác giả *Nhà văn hiện đại* có thể giả lời tôi rằng ông đã nói đến T. V. L. R. vì đây là một tiểu thuyết in thành sách còn 21 bài đang trong Thần chung tuy đủ giọng đủ chữ để in thành một tập sách đầy nhưng chưa hề in bao giờ. Nếu ông Vũ ngọc Phan phân biệt kỹ càng như thế, tôi cũng có thể giả lời: T. V. L. R. cũng chỉ là một tiểu thuyết đang báo (*Phổ thông bán nguyệt san* chỉ là tờ tạp chí) mà thôi.

Viết về ông Đào duy Anh cũng thế. Cũng cái lối phê bình tử mĩ nó làm cho tác giả không phân biệt được cái gì cần nói, cái gì có thể bỏ qua. Ông đã nói rất dài về quyển *Việt nam văn hóa sử cương*, ông cho chúng ta biết cả về việc Đào duy Anh nhằm tiểu thuyết *Nửa chừng xuân* là của Nhất Linh. Mà sở dĩ ông «nói đến những tác phẩm của các nhà văn hiện đại (thí dụ như quyển *Nửa chừng xuân*) vì nó thuộc vào phạm vi quyển sách này hơn (nhà văn hiện đại) là những vấn đề kinh tế và xã hội mà Đào duy Anh đã nói đến» (N. V. H. Đ. trang 183)

Tôi không đồng ý ấy, trong các lịch sử văn hóa của mấy tác phẩm *Nửa chừng xuân*, Tôi kéo xe không quan hệ gì. Nếu chỉ vì nó là những văn phẩm thuộc phạm vi quyển sách của ông và rồi ông sẽ nói đến mà ông cho nó một địa vị, lẫn áp cả kinh tế, xã hội, mỹ thuật v. v... thì không công bình tí nào.

Ông chú ý đến một sự sai lầm nhỏ, ở trong một tác phẩm đề

quên hẳn những tác phẩm khác. Ông chỉ kể tên nhưng không cho biết gì về tập *Phê bình Không giáo tiểu luận*, một tập văn nghị-luận có cái giọng trang nghiêm, lời văn sáng sủa. Trong loại nghị luận của văn học ta, theo thiên ý thì khó lòng tìm được một tập thứ hai có cái giá trị ấy.

Tôi có thể kể thêm nhiều sự tử mĩ và sự thiếu sót như trên, nhất trong những bài phê bình Á nam, Tân-đà, Nguyễn-văn-Tổ..., nhưng tôi tưởng việc ấy không cần, với những thí dụ đã kể, độc-giả đã có thể nhận được cái phương-pháp phê bình của tác-giả *Nhà văn hiện đại*.

Thật đáng tiếc. Với cái sự chăm chỉ của Vũ quân, đáng lẽ ta phải có những bài phê bình nó làm cho người bị phê bình và người đọc phải sửng sốt. Đáng này ta chỉ có một mớ tài liệu sưu tập khá công phu, với những lời phê bình không lấy gì làm mới lạ

KHUYẾT PHỤ

Lời phụ

Ông Vũ-ngọc-Phan lấy tên sách là *Nhà văn hiện đại*; với cái nhan đề ấy đáng lẽ ông phải phê bình những nhà văn ấy qua các tác phẩm, «tìm cho ra những tôn chỉ và lý-thuyết về văn học của mỗi nhà..., phải nghị luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong trào văn học một thời...» (N.V.H. Đ. 281) mới phải. Nếu ông chỉ phê bình từng tác phẩm của mỗi nhà văn — không kể đến sự liên lạc của những tác phẩm ấy — thì làm thế nào nhận rõ được cái đặc tính của mỗi nhà văn, định được cái địa-vị của mỗi nhà văn trong văn học Việt-nam hiện đại, (Hết)

Non nước hỡi
 Đây ngậm phận truy tùy ngao
 ngán nỗi,
 Đây than ôi Minh đế đã băng
 hà
 Nơi quê người cảnh lạ nước
 non xa...
 Sao lạ quá vừng dương còn
 chói lợi ?
 Sao biển cả không tan thành
 hơi khói ?
 Sao mây sầu khôn chẳng kín
 khắp không gian ?
 Sao muôn sông không dâng
 nước cả tuôn tràn
 Cho ngập hết đời cao cùng núi
 rậm ?
 Sao rừng nặng không vang
 lừng muôn tiếng sấm,
 Gió bung tàn không vút ngã
 hết muôn cây ?
 Sao vũ cầu không diên đảo
 một cơn say,
 Quả đất nặng không phun
 thành núi lửa ?
 Cho dập hết không còn tươi
 sáng nữa,
 Cho tắt nguồn rực rỡ của muôn
 sao,
 Cho tan hoang Bắc đẩu với
 Nam tào
 Khi nghiệp lớn không còn
 mong thẳng đạt.

Đến đây Như Tùng kiệt lực mắt lơ đãng
 ra rồi cũng dần dần gục xuống.

Âm nhạc : « Nam ai »

Long đèn dịu dần rồi tắt hẳn cả ngoài
 lẫn trong. Một khúc nhạc buồn vắng vắng
 vẳng... Cảnh nhà bà Hoàng phi lại bày ra.
 Đèn dần dần lên ánh, nhưng chỉ
 mờ.

Cảnh IV

Bà Hoàng phi

Vua Lê (hiện về bao mộng)

Phạm thái ; Nhị nương

Âm nhạc « Xuân nữ oán »

Hoàng phi :
 Giăng mờ phai bên tường đương
 nấn ná,
 Tiếng côn trùng rí rách gọi sầu
 đêm ;
 Đêm lặng lẽ âm thầm muôn tiếng lá,
 Trong giờ đây ai thấu rõ lòng
 chim ?
 Phòng cô đơn màn the buông
 tấm lưới,
 Bóng đèn xanh như le lói tận xa
 xói ;
 Lời gió réo len qua mảnh rêu rượi,
 Như lời than tiếng hận tự muôn
 đời.
 Đêm pha sương, lòng ta sao thắc
 mắc ?
 Sao rộn ràng, sao nức, sao bàng
 khuâng ?
 Và sao lúc bông hoa đèn lay lắc
 Hồn ta rung như biển nhớ ngập
 triều dâng...
 (Hoàng phi thiệp dĩa)

(Vua Lê báo mộng, một tấm màn
 mỏng buông xuống ở phía trong)

Âm nhạc : Nam ai

Vua Lê :
 Ái khanh ơi, đường phiêu linh
 hai ngã,
 Trăm bao lần đau khổ ở lân bang ;
 Đã mấy thuở căm hờn trong nhục
 nhã,
 Mong cơ đồ gây lại buổi hiên
 ngang.
 Nhưng phi hỡi, trời ơi đau khổ
 quá,
 Vận nhà Lê đã đến buổi suy vong ;
 Thà biết trước thì thôi đừng nấn
 ná,
 Khỏi rơi chìm trong những bước
 long đong.
 Ái khanh ơi, ngày nay thời vĩnh
 quyết,
 Âm dương đành cách trở đôi nơi ;

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 6

PHAN-KHẮC-KHOAN

Và Hoàng-tử mà lòng khanh tha
 thiết
 Nam trên đây lâm bệnh đã qua
 đời.
 (Vua Lê biến đi. Tấm màn mỏng
 cuốn lên, đèn sáng dần dần, rồi Nhị
 nương và Phạm-thái vào. Bà Hoàng-
 phi lĩnh dậy ngự ngàc)

Nhị nương :

Xin lệnh bà sắm sửa việc hành
 trang
 Để ngày mai ta đặt gót lên đường.

Hoàng phi :

Thôi em hỡi, còn mưu đồ chi nữa
 Vì trời ơi, Hoàng-thượng đã thăng
 hà.

Đêm trước đây trong giấc hùng
 ghê sợ
 Ngai đã về tin báo mộng cho ta.
 Vui chi nữa, em, đời sống tẻ
 Như đêm mờ trong kiếp vị vong
 nhân ;
 Thà cùng thác cho khỏi sầu chia
 rẽ,
 Xuống tuyền đài mong gặp gỡ
 tiên quân.

Phạm thái :

Xin lệnh bà đừng suy nghĩ phân
 vân,
 Vì mê mải trong vòng thương, nhớ,
 tưởng,
 Nên hình ảnh quân vương thường
 luyến vương
 Khi hồn mê say đạo chán non tiên.

Trong đêm giải thao thức giấc cô
 miên...
 Lệnh bà hãy tin rằng cơn ảo não
 Trong tim nhớ âm thầm đương
 xoắn xáo,
 Là, áng mây sầu phơ phất thời qua
 non
 Khi sương mờ gió lịm buổi hoàng
 hôn,
 Rồi mai nọ chân trời xa sẽ mở
 Bầu xanh thắm cho vừng dương
 rực rỡ.
 Sẽ tuôn đầy trong sáng ánh mai
 tươi,
 Khi chim rừng reo hát khúc ca
 vui...

Hoàng phi

Vậy ta hãy cùng nhau lên xứ Lạng
 Để mong đợi xem dò tin thánh
 thượng.

Phạm thái

Trên Lạng-sơn đã có Thanh-xuyên-
 Hầu
 Đương trông mong chờ đợi những
 hao lâu,

Hoàng phi :

Thanh-xuyên-Hầu ?

Phạm thái :

Người nghĩa khí,
 Con cụ Kiến-vuyên-Hầu, họ Trương,
 dòng chí sĩ.
 Hiện đương làm trấn thủ tại biên
 cương,
 Thường dò thăm tin tức của quân
 vương

Đã hứa giúp binh lương cho đảng
 trưởng

Hoàng phi :
 Vậy ta hãy lên chờ tin Thánh
 thượng...

(Ba người ra đi, màn từ từ chuyển,
 khuất nhà bà Hoàng phi. Rồi trên
 màn vẽ ra một cảnh núi rừng tham
 thẳm).

LỚP THỨ BA

Cảnh I

(Đường đi xứ Lạng, trong lúc đi,
 cảnh từ từ chuyển).

Hoàng phi, Nhị-nương, Phạm-thái
 (Phía sau rừng có tiếng hát :
 « Ai lên xứ Lạng cùng anh... »)

Nhị nương :

Đường xứ Lạng sương xa vờn
 bát ngát,
 Rừng muôn cây buông rủ mái
 xanh tươi ;
 Chân giời ửng màu hồng phơn
 nhẹ mát,
 Đàn chim non ca đón ánh dương
 vui !

Phạm thái

Ánh dương vui đương lan vờn
 trên cỏ biếc,
 Cảnh thơ non đương dịu ánh
 long lanh ;
 Đây suối nhẹ đương buông lời
 luyến tiếc,
 Bên sườn non muôn tỏa khói lam
 xanh.

Hoàng phi :

Khói lam xanh nhẹ vờn trên lá
 biếc
 Như gió xui âu yếm quyện lòng ta ;
 Như bông nổi nhớ nhung thương
 tiếc,
 Như hơi sương xa phủ cảnh ô tả

Phạm thái

Như bông nổi nhớ nhung thương
 tiếc,
 Như gió xui âu yếm quyện lòng ta,
 Vì khói lam xanh mờ vờn trên lá
 biếc,
 Như hơi sương xa phủ cảnh ô tả.

Nhị nương :

Như hơi sương xa phủ cảnh ô tả
 Như gió êm khi đáng niềm ước
 vọng :
 Dưới bầu vánh biêng biếc cảnh
 bao la,
 Trông non nước vô cùng cao thẳm
 rộng,
 Đương nâng lòng hy vọng ước mơ
 xa...

Phạm thái

Như nâng lòng hy vọng ước mơ
 xa,
 Đây gió hùng đương căng rộng ánh
 bao la

Hoàng phi

Đường xa vôi buông dài niềm
 ái ngại,
 Lòng bàng khuâng chân lạc bước
 phiêu linh,
 Ven giời thăm mây dày còn vương
 lại.
 Nguyện trời cao soi tỏ tấm trung
 trinh

Phạm thái :

Tấm trung trinh trải vờn lau lách
 rậm,
 Rừng hoang vu khua rộn chí hiên
 ngang
 Đỉnh đồi thăm mây huyền lan né
 dậm
 Vững trời xa, xa hẹn ánh vinh
 quang

Nhị nương :

Ánh vinh quang lòng ta đương
 náo nức,
 Mong đợi ngày hưng phục lại
 giang san
 Ôi hy vọng lòng ta đương
 th

Quyết thề xin dâng hiến cả

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

KADÔP VÀ KADOEK

Mãn Khánh DUONG-KY



MỘT phú-ông chết, để lại cho hai con- trai cái gia-tài khá lớn. Con trưởng tên là Kadôp, con thứ là Kadoek. Trong lúc em đi chôn cha, thì anh ở nhà giấu tất cả vàng bạc.

Khi Kadoek về, liền hỏi anh :

« Vàng bạc của cha để lại, anh cất đâu mà em không thấy, thưa anh ? »

« Tao không biết ». Kadôp trả- lời xong, thấy em không nói gì, liền tiếp :

« Cha mẹ mất, chỉ để lại cái nhà này. Tao đã có vợ, mầy thì còn ở quá ; vậy mầy đi nơi khác, để nhà cho tao ».

Kadôp lại còn chiếm cả trâu và ruộng tốt, chỉ cho em một con chó, một con mèo và mảnh ruộng hoang. Kadoek buồn-rầu ra đi. Vì không có trâu, nên bắt chó và mèo kéo cày. Ý hẳn hai con thú kéo cày không xong, nên Kadoek bèn đánh chó, chó khóc, đánh mèo, mèo rên.

Một cái hang đá ở gần đấy, thấy mèo rên, chó khóc, liền há miệng rời để lộ ra vô số vàng. Kadoek trông thấy, chạy đến lấy, đem về nhà. Thôi thì chàng ta tậu ruộng, trâu, cất nhà ; kẻ ăn, người nạp ; kadoek trở nên giàu- có hẳn cả anh.

Thế Kadôp hỏi :

« Mầy lấy gì mà mua ruộng

trâu và thuê nhiều đầy-tớ như thế ? »

Kadoek liền kể lại sự-tình đầu đuôi. Kadôp nổi cơn thịnh-nộ, thẳng tay đánh em và mắng :

« Sao mầy không gọi tao đến lượm với, đồ quân ích-kỷ ! »

Bị đánh túi-bụi, Kadoek thưa :

« Vì xa nhà anh quá, em không kịp gọi anh ».

Đánh xong, để mặc em ngồi khóc, Kadôp giành lấy chó và mèo ; rồi trở về nhà, thuê mười chiếc xe trâu, đem vợ cùng gia-nhân đến chực sẵn bên hang đá để chờ vàng.

Chàng ta cũng cày, cũng đánh chó, đánh mèo. Mèo rên, chó khóc. Hang đá lại há toác miệng cười. Thấy vàng, Kadôp ham quá, không kịp gọi vợ cùng gia-nhân, chạy lại thò tay vào lừa. Hang đá ngậm miệng lại, kẹp chặt tay Kadôp, không thể nào rút ra được.

Anh chàng đau-đớn, suy-nghĩ mãi, bèn gọi vợ đến bảo :

« Dầu anh có phải chết, thì em cũng đưa mặt cho anh hôn một cái đã nào ! »

Người vợ vàng-lời. Hang đá thấy thế bật cười. Kadôp rút tay ra được.

Chàng ta hấp-tấp tìm em, đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Kadôp vừa đánh em, vừa luôn mồm mắng :

« Đồ quân tham vàng, đồ quân vô-lá, mầy dám phỉnh tao, anh em

mà không biết thương nhau ! » (1)

Đọc xong chuyện đời-xưa Cham trên này, ta không khỏi nhớ đến một chuyện của ta, cũng tương-tợ như thế. Cũng là chuyện hai anh em chia gia-tài sau khi cha mẹ chết. Anh chiếm tất-cả, chỉ cho em có mỗi một cây khế. Khốn-nạn thay, khế ấy có quả nào thì lại bị một con chim to-lớn đến ăn hết. Vợ người em thấy thế, liền to-tiếng phàn-nàn một mình :

« Chỉ có cây khế này, mà ngày nào chim cũng đến ăn hại, lấy gì mà độ-nhật bây-giờ ? »

Con chim bảo :

« Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, đi mà đựng. »

Tối lại, vợ kể lời chim nói cho chồng nghe. Anh chàng liền may túi ba gang đợi sẵn.

Sáng ngày, quả-nhiên chim bay đến, gọi đi lấy vàng. Anh ta liền xách túi, cõi lên mình chim ; chim cất cánh bay đến một quả núi đầy vàng bảo lượm lấy. Khi túi đã đầy, chim lại cõng về nhà. Thế là người em trở nên giàu-có. Đến ngày giỗ cha, chàng ta làm cỗ linh-đình và sai con đến mời anh. Người anh bảo :

« Nhà cháu nghèo-nàn, cũng-quả làm gì cho xấu-hỗ với làng, với nước ! Về bảo thầy cháu, nếu muốn mời bác, phải trải chiếu

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

cặp điều từ công nhà này đến nhà cháu thì bác mới lại ».

Người em, vốn hiền từ và thật-thà, cũng làm theo lời anh. Anh lấy làm lạ. Khi đến thì thấy em giàu-có thực, bèn hỏi duyên-cớ. Em thưa lại câu chuyện đầu đuôi. Người anh liền cho em tất cả nhà, vườn, ruộng của mình đã chiếm, và chỉ đòi lấy lại cây khế thôi. Em thuận.

Rồi vợ người anh thấy chim đến ăn khế cũng giả-vờ than-thở, và cũng được chim hứa sẽ đem đi lấy vàng. Người anh đã may cái túi sáu gang chực sẵn. Khi được chim đem đến núi vàng, chàng ta chẳng những bỏ vàng đầy túi sáu gang, mà lại còn giắt không biết bao nhiêu vào mình nữa.

Trên đường về, chim phản-nản nặng, yêu-cầu bỏ bớt ít vàng, người anh vẫn khư-khư không chịu, đến nỗi chim nghiêng mình, anh-chàng tham-lam nhào xuống biển, ôm vàng mà chết. (2)

So-sánh hai chuyện, ta không khỏi thấy người Chăm có một quan-niệm về luân-lý kỳ-dị, khác ta xa và làm cho ta khó chịu. Trong chuyện đời-xưa Việt-nam, người

Thông chế Pétain đã nói :

« *Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc - Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố* ».

anh tham-lam bị trừng-phạt, người em hiền-lành được thưởng. Chuyện đời-xưa ấy có ý răn đời, khuyên anh em nên nhường-nhịn nhau nên thương-yêu nhau.

Chứ trong chuyện chăm, thì ta thấy những gì ? Người anh bạo-ngược vô-lương-tâm, vẫn được bình-yên như thường, đánh em trận này xong, rồi vẫn có cơ-hội và lý-lẽ để đánh em lần khác. Lý kẻ mạnh vẫn thắng, thắng một cách đường-hoàng !

Tại sao người Chăm lại có ý-nghĩ kỳ-quặc, vô-nhân-đạo như thế ? Phải chăng là vì chuyện cồ-tích ấy đã sản-xuất ra sau khi nước Chăm-thành bị diệt-vong ? Bị áp-bức đủ cách, bị giết và bị bắt làm

tù-bình hàng chục vạn người, đất-đai, của-cải bỗng-nhiên vào tay kẻ mạnh. Sống trong hoàn-cảnh ấy, thì họ còn tin làm sao được rằng ở trên đời có thể có điều thiện, hễ có lý thì thắng, người làm lành thì được thưởng và người hung-bạo thì bị trừng-phạt ?

Tình nhân loại ư ? Tình huynh-đệ ư ? Đối với họ những danh-từ ấy đều rỗng-tuyệt, không có nghĩa lý gì, hoặc có một nghĩa rất mỉa-mai, cay-dắng. Họ chỉ thấy, thấy một cách đau-dớn, rằng ai mạnh thì hơn, ai yếu, dầu có lý mấy mươi mươi, cũng thua, cũng chết.

Qua khỏi vẻ hài-hước của câu chuyện chăm kể trên kia, phải chăng ta đã nghe thấy tiếng khóc não-lòng, rùng-rợn của một dân-tộc vì chịu bao nhiêu lần chiến bại, nên trong lúc ngoắc-ngỏi trên huyết đã khai, thì mất tất cả lòng tin-tưởng, dầu cho đến sự tin rằng ở trong lý-tưởng nhân-loại vẫn còn có điều thiện, điều lành ?

Mãn Khánh DUONG KỲ

(1) Chuyện này có chép trong cuốn « Un royaume disparu les Chams et leur art » của Jeanne Loubé.

(2) Chuyện này có chép trong cuốn « Ấu-học luân-lý » của Đỗ-Thận.

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tự-Liệt Văn-diên (Hà-dông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rần lại, ngọn đèn không lụi đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giầy số 494



DANH NHƠN NAM-KỲ

TIÊU-SỬ

CỤ THỦ KHOA NGHĨA

(1807—1872)

Số 2

của TRỰC THẦN



Khi bị giam tại Long-hồ chờ ngày làm người thiên-cô, cụ Thủ-khoa

có tiếp một người bạn. Thấy cái cảnh thất thế của cụ, trạnh lòng bùi-ngùi cho một vị quan lớn vì cang trực mà lụy đến thân danh, ông Nhiều chơn — người bạn ấy — hỏi cụ: « *Bấy giờ cụ đã già, chẳng lẽ cụ để chết mòn ở trong cái khám lạnh này sao?* » Cụ Thủ-khoa chỉ mỉm cười rồi đáp:

« *Nhượng chẳng là nhượng kẻ cày voi,
Lục-lục thường tài cũng một mồi.
Mở mặt bởi mây che bóng nguyệt,
Om sòm vì trống lăp hoi còi.
Kìa câu ich-kỷ kinh còn tạc,
Nợ kẻ khi nhơn thánh để roi.
Lần-thần hết suy rồi đến thái,
Ngày qua tháng lại lướt đường thôi* » (1).

Cái đức bình-tĩnh của cụ thật đáng phục. Nằm chờ cái chết mà vẫn còn bi-vọng « *lần thần hết suy rồi đến thái* ».

Mà cụ nghĩ thật không lầm.

Ở bên ngoài, bà Thủ-khoa và ông quân Kiệm — em bạn dì của cụ — lo toan đề cứu cụ khỏi án tử hình.

Một mặt ông quân Kiệm lập hưu tri huân đề bản án ra Kinh-thô trễ nải (2), một mặt bà Nguyễn-thị-Tồn sắp-sửa hành trang ra tận *Ti Tam-Pháp* minh oan. Từ Long-hồ (bây giờ là

Vĩnh-long) bà đi thẳng qua Định-tường (bây giờ là Mỹ-thọ), rồi « *quá giang* » ghe bầu ra Huế. Đến nơi, nhờ cụ Phan Thanh-Giản bày vẽ mọi điều đề bà vào tận *Ti Tam-pháp* nôi ba hồi trống cho vua lâm triều hội đình thần.

Đức Tự — đức ban xuống ba thước lụa trời bà và cho dòi vào dăng cáo-trạng.

Nhờ ở tài ăn nói, ở sự tận-tâm, bà đã cảm hóa được cả triều đình. Và cái án tử hình kia được đổi thành « *quán liên hiệu lực, đại tội lập công* » (3). Cụ Thủ-khoa cỡi chiếc bào tri-huyện, mặc vào cái áo xanh của anh lính đi đầu mà chờ ngày lập công chuộc tội. Thôi! mộng hoạn trường đã sụp đổ từ đây! Phải trải bao lao-khổ mới mong trở lại bước đầu tiên?

Cụ được tâng dưới quyền của Hùng — đông đại tướng — quân Nguyễn thanh-Nhân (sau làm An-hà tổng-đốc). Thời may cụ lại nhập chung đội với người em bạn dì là ông quân Kiệm. Khi ra dẹp loạn dân thổ ở gần biên giới, chính ông này đã « *giúp* » cụ « *một mớ thủ cấp* » quân nghịch. Nhờ công trạng đó, cụ được thăng lên chức phó quản cơ và được giao giữ đồn Vĩnh-thông (An-giang).

Ở đây, một đồn biên giới, trước cái cảnh núi non hiểm-trở, tịch-mịch rừng sâu, nhiều phen nổi

buồn lai-láng thâm nhập vào cõi lòng của kẻ bất đắc thời! Có truyền lại bài thơ chữ hán sau này, cụ làm khi xúc cảm nơi đồn Vĩnh-thông:

« *Độc tọa cao lâu, từ tiểu nhiên,
Thiên không, đã khoáng, thảo thiên-thiên.* »

« *Giang biên phàm quả cô-thôn vô,
Lãnh ngoại xa hời viễn thọ yên.
Mộ sắc sồ gian y trúc lũy (h. ả. xá).
Ca thỉnh nhứt đạo tái bờ thuyền,
Tu mi tự đắc bá phu trưởng,
Tái thượng tha-dà niên hựu* »

niên. (4)

Trấn nhậm đồn Vĩnh-thông, cụ rất khổ tâm với bọn giặc Cao-miên, vừa dẹp yên lại nổi lên làm loạn.

Lần chót, cụ và quan quân bị bắt rất nhiều và giải về Ôn-Dong (kinh đô Cao Miên). Nhờ đức-huệ Miên hoàng, *Ang Duong*, là người có dạ liên tài, cho thả về; cụ được ghe đưa đến tận Tịnh-biên nơi ranh-giới.

Chán cảnh hoạn trường, cụ dăng sớ xin hồi hương, trở về làng cũ vui với rẫy quê. Cụ mở trường dạy học tại Bình-thủy. Những giờ rảnh rang, uống rượu, đánh cờ và đi câu cùng cụ Cử Trị. Bấy giờ cụ lấy hiệu là « *Liễu-lâm chủ-nhơn* » (nơi cụ ở có rất nhiều bần, đức Minh-mạng đặt tên cho cây bần là *Thủy-liễu* mộc); cụ cũng lấy hiệu là « *Liễu-lâm tiên-sanh* ».

Nhưng trẻ Tào trớ-trêu, không để cho cụ an hưởng tuổi già, lại bày lắm trò rắc-rối.

Sau ngày 5 Février 1868 phải văn-thân lại nổi dậy ở Hương-diêm (Bến-tre), rồi đến loạn-lạc lung-tung ở Cái-Mit (Juillet) ở Phú Ngãi, Tân-diêm (août)... cư tiếp tục khắp nơi, nhiều-nhương

liền miên; sự oán hận cao vút khắp một góc trời.

Là học trò của cụ đồ Hoành — một yếu nhơn của Lê-văn-Khôi — cụ Thủ-khoa Nghĩa, trong thời kỳ ấy, cũng bị tình nghi và bị bắt giải về Gia-định. Nhờ sự bảo-lãnh của ông. họ Đỗ-hữu-Phương (sau làm đến tổng-đốc) cộng sự với ông phủ Ba Tường (Tôn Thọ-Tường) để đi khuyến dụ dân làm loạn, cụ Thủ-khoa mới được tự do. Nhơn cái « tai nạn » ấy cụ có làm bài Đường luật « *Vịnh Quan-công thất thủ Hạ-bì* », cũng đề cảm tác cái đời « ba chìm bảy nổi » của cụ. Bài thơ ấy như vậy :

Gương rạng thời ta dựng chước thao.

*Chén rượu anh em keo gắn chặt,
Tấm gương tôi chúa đuốc chong cao.
Theo rồng chẳng phụ mây trời Hán,
Dưới ngựa dằn tham bạc đất Tào.
Trộn đạo cương thường vai gánh nặng,
Ngàn năm bia để miệng người (*

rao.) (5)

Khi được thả về Bình-thủy, ghi cái ơn trọng của người, cụ chẳng biết lấy chi đền đáp, có bài thơ sau đây, gọi là tạ cụ Đỗ-hữu-Phương:

*Cửa rồng mình dựng một phen lên.
Trân trọng cầm bằng khách bực trên.*

*Mắt mắt chẳng từng non nước lạ,
Râu mày sánh với ruộng vườn quen.*

Riêng vui mây trắng hiềm khôn lặn,

*Chung đội trời xanh để dăm quên.
Người, tớ hỡi còn khi gặp gỡ,*

Dạn lòng vàng đá: Hỡi cho bền!»
Tuy đó là một bài đáp tạ kẻ bề trên, ta cũng thấy được cái khí-phách ngang-tàng của cụ.

Ngày 21 tháng giêng năm nhâm-thân, (1872), nhà danh nho cang được Bùi hữu Nghĩa từ biệt cõi trần.

« *Nhờ tài ba đã được làm quan, lại vì cao tiết bỏ quan về dạy học, cụ Nghi chỉ đi ngược trên đường đời nên cụ phải chịu sống nghèo thác lạnh.* » (6)

Sự nghiệp văn - chương gồm một vở tuồng hát bộ kiệt tác, « *Kim Thạch Kỳ Duyên* » và rất nhiều thơ nôm, thơ chữ hán văn tế, liên đối. Vì không người lưu tâm đến, phần nhiều thất lạc và sai nguyên-van.

Tiếc thay một đấng tài hoa, một trang nghĩa-khí mà tên tuổi bị mờ lấp bởi bụi thời-gian ! Ngày nay, ngậm ngùi hoài cổ, kẻ hậu sanh này xin thành tâm có đôi hàng nhắc-nhở. (Còn một kỳ)

TRỰC THẦN
(Tây-đô)

(1) Bài này do ông Đặng hàm Hân đọc lại có người e rằng không phải cụ Bùi hữu-Nghĩa, vì câu thơ không được mấy văn-hon. Theo tôi nghĩ, trong lúc chịu hàm oan, nỗi lòng uất ức, câu thơ khó mà suông-se được. Ý-tứ trúc-trắc có thể là kết quả của một mối u-tình. Vậy xin chép ra đây, chờ tra cứu lại và ước được những bậc cao kiến chỉ giáo.

(2) Về vụ này có đến 2 giả thuyết :

a) Ông quản Kiêm tiếp đãi tên trạm đem chiếu Triều-đình vào Long-hồ, phục rượu cho hân say, lén lấy tờ chiếu giấu đi để tri-huân ngày xử lại, cho bà Thủ khoa kịp ngày giờ ra Huế minh oan (thuyết này do mấy bậc kỳ lão nói lại rằng do ông Bùi hữu-Tú con thứ tư của cụ Thủ-khoa, thuật. Tài-liệu của ông Nguyễn-văn-Nghĩa).

b) Khi bốn án lập xong, cụ Thủ-khoa xin cho đọc xem ra thế nào Thừa dịp các quan đầu tỉnh sơ ý, ông quản Kiêm đoạt bốn án chạy ra ngoài xa trao lại cho bà Nguyễn thị Tôn. Còn ông thì chạy miết về An-giang (Cầu đốc) để cho quân theo bắt lạc đường. Nhờ sự che-chở của các quan đầu tỉnh nên có cảm-tình với cụ Thủ-khoa, ông quản Kiêm

được vô tội vì không bằng-cớ. (do ông Nguyễn đại Liên tục gọi là ông Năm Bao ở Bình-thủy nói lại rằng do cụ Nguyễn phước-Dương, một cao đồ của cụ Thủ-khoa, thuật lại.)

(3) Người ta có thuật lại rằng sau vụ minh oan này, bà Nguyễn thị Tôn được đưc Từ-Dụ-Nghi-Thiên Chương hoàng-hậu, cũng gốc Nam kỳ (Gò công), đòi vào yết kiến và ban tặng tấm biển vàng có bốn chữ « *Liệt phụ khả gia* ». Sau khi về Biên-hòa, bà tạ toế ngày 24 tháng mười một (không biết thuộc năm nào.)

(4) Dịch nôm :

*Lầu cao ngồi rồi ngó từ bề
Cổ loan chơn trời, đồng rộng ghề.
Mưa pháy bờ sông, buồm lướt tời,
Khói mờ cây núi, bóng xe về.
Trại cang bên lũy, màn trơ trên,
Hát trời trên thuyền giọng lý tề.
Thăm nghĩ phận trai hơn được*

chung (1)

Quanh năm luống đạo cảnh say mê.(2)

(1, 2) L. T. S. — Hai câu này, theo đúng nguyên văn chữ hán thì nghĩa là : nghĩ mình là hạng tu mi nam tử thế này, vậy mà lấy sự được làm « *bách phu trưởng* » làm tự đắc, (vì cụ Thủ khoa Nghĩa bấy giờ làm phó quản-cơ, nên mới nói là « *bách phu trưởng* »). Nhưng thân mình đương phải lẩn-lữa ở nơi biên tái, hết năm nay qua năm khác !

(bản dịch của Nguyễn văn Nghĩa, trong « *V.C. và L.S. cụ Thủ khoa Nghĩa* »)

(5) Bài này do ông Nguyễn đại Liên, người có nhiều tài liệu về cụ Thủ-khoa, đọc lại. Trong quyển « *Văn Chương và Lịch Sử cụ Thủ-khoa Nghĩa* », ông Nguyễn văn Nghĩa chép như vậy :

« *Hạ bì ngày nó chẳng màng nào.
Gương sáng chỉ lăm chước tung thao.*

« *Chén rượu anh em keo gắn chặt
Tấm son tôi chúa đuốc chong cao
Theo rồng dốc nhóm mây trời Hán
Xuống ngựa dằn tham bạc đất Tào
Hal mỗi cang thường gồm dặng
Ngàn năm thơ để miệng người (*

(6) Lê thọ Xuân, báo *Mai* số 88 n 2 Juin 1939.

CỤ THỦ-KHOA BÙI-HỮU-NGHĨA VÀ TUỒNG

“KIM THẠCH KỶ DUYÊN”

(Thời-kỳ cáo lão qui hương dĩ hậu và khi soạn tuồng K.T.K.D.)

NGUYỄN ĐẠI-LIÊNG

Bữa Hội Khuyến-học Cần-thơ làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Nghĩa, ngoài bài diễn văn khai mạc do Bác-sĩ Lê Văn Ngôn đã đọc, còn có bài này của ông Nguyễn Đại Liêng ở Bà-đô (Cần thơ) nói về tuồng Kim-thạch kỷ duyên và tác giả nó. Bản-chỉ xin lục-đăng nguyên văn bài của ông Liêng để cung thêm chút tài liệu về văn-học.

T. S.

Kính chào Quan chủ tỉnh

Kính chào quý quan các ty sở

Chào quý vị thính-giả

Thưa quý ngài,

Hôm nay, tôi có cái hân hạnh đến trước quý ngài đây, đến trước thính-giả mà đa số thuộc về hàng thượng-lưu trí-thức, hẳn có nhiều vị có tài nói chuyện văn-chương sành-sỏi hơn tôi, thế mà lại trao cho tôi cái danh-dự quá xứng đáng hầu chuyện cùng các ngài: thật là một hoan-lạc bất-ngờ và đáng tránh đối với tôi.

Nhưng bởi tôi không đành từ nan lời mời chân thành và thân-mật của ông Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, Chánh hội-trưởng Cần-thơ khuyến-chi-hội, đã muốn cho tôi lên lấy danh-nghĩa của ông thân-sanh tôi vốn là cao-đệ của cụ Thủ-khoa, đã gần-gũi cụ lâu năm nhứt trong đám học-trò của cụ, mà nói về những điều chính tôi nghe biết về đời tư hoặc về văn-chương cụ Thủ-khoa.

Tôi nghĩ cụ Bùi Thủ-khoa mà được suy-tôn ngày nay là nhờ nơi tuồng *Kim thạch kỷ duyên* nhiều hơn là nhờ các chức tước hay văn bằng của cụ. Bởi vậy, tôi muốn cho câu chuyện tôi xin đem trình thưa quý ngài đây sẽ trọn vẹn trong đề:

Cụ Thủ - khoa Bùi-hữu-nghĩa và tuồng Kim thạch kỷ duyên.

Vì văn chương có chịu ảnh-hưởng của đời sống và, những việc riêng của cá nhân thường xoay chiu cho tư-tưởng, cho nên nếu sau này mà tôi có nói ra ngoài đề một điều chi là bởi cái ảnh hưởng xa gần đối với văn-chương của cụ.

Thưa quý ngài,

Vừa rồi ông Đỗ-văn-Y đã có đọc hầu quý ngài những giai đoạn, những giáng-cấp liên-tiếp của đời cụ Thủ - khoa trong quan-trường. Giờ đây, tôi chỉ nói về thời kỳ mà cụ Thủ-khoa cáo lão hồi hương. Chính trong thời kỳ ấy, ông thân sinh tôi thọ giáo với cụ và gần gũi cụ ròng rã tám năm trường. Nhờ vậy, sau này tôi mới được nghe nhắc mãi về khí-tiết, dung-mạo, văn-chương của cụ Thủ-khoa. Cụ Thủ-khoa bấy giờ hay lai-vãng và có khi ở tại Bà-đô, nơi mà ông thân sanh tôi. (Bà-đô là một xóm đầy cỏ-tích văn-chương ở cách đây 7 cây số ngàn, trên con đường Cần-thơ — Ô-môn, vì lúc trước có một ông sanh - đồ có nhà cửa vợ, con tại đó mà rộng đường giao-du lắm nên ai có đi qua xóm đó cũng đều gọi là xóm của ông Đồ; sau ông mất trước bà, nên gọi lại là xóm bà Đồ cho đến ngày nay).

Trong thời buổi ấy, nhờ có cụ Thủ-khoa, nên cụ Cử Trị, cụ Cử Trừng (tức là An-giang đốc-học Nguyễn-thanh-Trừng) và nhiều danh-sĩ thỉnh-thoảng, đến xóm đó vui chơi trò-truyện thường lắm...

Phỏng theo quyền *Nguyễn gia cổ sử tạp biên* là một tập vở bấu của riêng nhà tôi thì cụ Thủ-khoa lúc đó vẫn còn quắc-thước sức còn khỏe, tác trung-trung. Trên cái khuôn mặt vuông, đôi mắt sáng quắc, tỏ vẻ người cương trực, thông-minh. Đôi vòng mày rậm-rậm hơi xếch lên góc trán rộng mà vuông Quanh cặp môi hơi dày, một bộ râu phủ cả hàm, đen mượt và suông, dài đến khỏi ngực.

Người thời xưa thường nói hình-thể ấy là hình-thể của một võ tướng. Và trong cái hình-thể võ tướng của cụ Thủ-khoa hẳn tài-trí của văn nhân. Sự phản tượng của ngoại-hình và nội-giới ấy, theo người trước, dường như có ảnh hưởng không tốt đến đời bạc-mạng của « Đấng tài-hoa ». Và, số phận truân chuyên của cụ Thủ-khoa đã chứng thật cho môn tướng số.

Nhưng trong chúng ta nào ai dám quyết rằng vì chỗ tài, tướng không thuận chiều mà đời người không gặp vận hay vì cụ quá đa tài mà mạng bạc phải riêng mang.

Cho nên trong sáu mươi sáu năm trời dài-dặc, trong văn-chương, trên hoạn-lộ khi nhập ngũ lập công, lúc buồn tình độc tọa, từ địa-vị một anh học trò nghèo khó vượt lên ngai-thờ của ông Thủ-khoa hiển-vinh. Cụ vui cũng lắm mà cụ buồn nhiều hơn. Công danh nghịch cảnh, tình duyên trái đường. Tâm-tinh, ý-tự biết đem ra thổ-lộ cùng ai? Hay khi ngày vắng, lúc đêm dài, chén rượu giải sầu cùng với bóng...

Bởi thế cho nên, lúc gần cáo lão qui hương, khi cụ ngồi một mình trên đôn Vĩnh-thông, ngó xuống con sông dài, bên xóm vắng, trời mưa lâm-tầm cảnh vật mờ-mờ, cụ buồn mà ngâm:

*Độc tọa cao lâu tri tiểu nhiên,
Thiên không, đã khoáng,
thảo thiên-thiên.*

*Giang biển phàm quá cô
thôn vũ;*

*Lãnh ngoại xa hời viễn thọ
yên.*

*Mộ sắc sồ giang y trúc xá;
Ca thỉnh nhứt đạo tái bồ*

*thuyền.
Tu mi tự đắc bá phu trưởng,
Tái thượng tha-đa niên hựu
niên.*

Đó thật là nỗi lòng buồn của cụ Thủ-khoa theo giọng thơ Đường mà流露.

Xa nay, trong văn giới đương như có cái lệ thơ-văn thống-thiết nhứt là thơ-văn mình khóc cảnh tình mình. Nguyễn-Du than thân trong *Kim Vân Kiều*; Đỗ Chiếu tỏ nỗi niềm trong *Lục-ván tiên* thì cụ Bùi Thủ-khoa giải cảnh tình của mình trong *Kim Thạch Kỳ Duyên* bất diệt.

Kim Thạch Kỳ Duyên là một tuồng hát; cuộc đời cũng là một

tuồng hát. Trong *Kim Thạch Kỳ Duyên* có sự tráo hôn vô tình là bởi trong đời cụ Bùi Thủ-khoa chịu việc thay duyên bất chánh.

Sự thay duyên ấy lộ ra rõ-rệt ở hồi thứ ba của tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* trong bài thơ của Ái châu, một vai trong tuồng:

*Thiếp vốn nhà tâm, hiệu
Ái-châu,*

*Vì chàng trực tiết bấy nhiêu
lâu,*

*Ngồi thầy tớ chuyển vầy
loan phụng,*

*Mão đề trông chơn, dẹp đội
dầu.*

Khi đã thấu rõ chỗ u-uất trong tâm tình cụ rồi, mới thấy sự bức-tức của cụ khiến cụ phiền trách ai trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, phiền ở chỗ:

*Thối hôn mới mượn kẻ tráo hôn;
Bất giá lại kiếm nơi cải giá.*

Người ta muốn gạt chị cụ để tráo duyên mà để gì ai chẳng biết, cụ trách, cụ giận, nhưng nghĩ lại cụ

«... nực cười,

*Liều mình vốn có một người
Theo thác làm chi hai mạng,*

*Nuôi chẳng nuôi mấy tháng,
Bán đặng bán hai người,*

Giấu đầu đã bày đuôi,

Đau chơn nên hã miệng.»

Người ta thì «Giấu đầu đã bày đuôi» nghĩa là ăn người chị mà đem người em ra gả cho cụ; nhưng cụ thì thấy «đau chơn nên há miệng» nghĩa là đem nỗi niềm tâm sự giải rõ ra trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*. Ở ngoài đời, cụ oán giận người xảo trá bao nhiêu thì trong tuồng cụ gay-gắt với vai Ái-châu bấy nhiêu, bởi vậy cụ mới lên án:

Dám phụ tới dưng đầu;

*Thủ phát nọ tay thâu,
Biều đao kia lưỡi xuống!*

hay là câu:

*Nước biển bắc, rửa nhơ mi
khôn sạch;*

*Tre non nam, ghi tội ả khôn
cùng.*

Có lẽ trong đời tư của ngài Thủ-khoa, bà hai Thừa là chị ruột của cụ cũng can gián lắm lời cho nên trong tuồng có câu:

*Đã nên bầm, nên lóc,
Sao còn gián, còn can,*

*Nhược từng chằm tịch chi
ngón;*

*Chung bão khuê phòng chi
hôi*

Bao nhiêu câu chuyện tóm lại có mấy chữ công danh chẳng may, tình duyên không đẹp. Tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, mà thành áng văn xuất sắc ở tài-tình là bởi cụ Bùi Thủ-khoa phải chịu cuộc đời đau thương vì duyên số. Đời cụ ần-núp trong văn cụ. Đây là một chứng thực lời của một danh-sĩ Pháp «van tức là người» vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐẠI LIÊNG

ĐÃ CÓ BẢN :

**KHẢO LUẬN VỀ
KIM-VÂN-KIỀU**

ĐÀO DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tập-lục*.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế

GIA THÊ HỌ ĐÌNH

Ở HÀM-GIANG

Số 1

TIỀN-ĐÀM

TRONG một số trước (1) chúng tôi đã thuật việc đào mộ ông Đình-van-Tả; theo đuôi công việc khảo cứu, chúng tôi lược khảo thêm sau đây gia thế của họ Đình theo như các tài-liệu đã kiểm được (2).

Theo Hải đông chí lược (sách chép của trường Bác-cổ số A 103), họ Đình là dòng-dối vua Đinh Tiên Hoàng ở đồng Hoa-lư.

Trong bài tựa quyền « Hàm-giang danh tướng liệt truyện » (3), ông Đình-gia-Nghi (4) là con cháu họ Đình viết: Em vua Đinh Tiên-Hoàng là Kim-ngô đại-tướng-quân Đinh-Điền nhân vì Lê Đại-Hành thoán-vị, ông cùng Thái-úy Nguyễn Bặc dấy binh chống lại, nhưng thua, phải chết vì nước. Con cháu sợ tai-vạ, trốn ra đây rồi lập thành quê-quán (5).

Vậy họ Đình ở Hàm-giang là dòng-dối họ Đình ở làng Đại-hữu, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình.

Về các đời trên, sự-tích đều thất lạc cả; nay xin kể từ ông Thạch quốc công đời hậu Lê.

THẠCH-QUỐC-CÔNG húy Đàm, đẻ ra khôi vĩ, tuấn kiệt và có sức khoẻ. Hồi ấy nước Nam bị nhà Minh sang chiếm, ông nghe tin vua Lê Thái-Tổ khởi-nghĩa ở Lam-sơn, liền đi theo. Năm ấy ông đã 53 tuổi.

Nam ất-tý (1425), vua sai ông đem cơ binh cùng Thái-úy là Lê Hân đánh lấy đất Tân-bình, Thuận Hóa.

Năm Đinh mùi (1427) theo vua ra Đông-dô, nhón nhỏ đánh hơn bảy mươi trận, đánh đâu được đấy. Khi ở trong quân, vua thường gọi là Lão-tướng, rồi nhân muốn tỏ ý đãi ông một cách khác thường, bèn ban cho cái hiệu là Kỳ-huân đại-tướng-quân.

Bấy giờ ông đã ngoài 60 tuổi, thế mà mỗi khi xuất quân là lập được chiến-công. Vua Lê bình định rồi, xét công ông, phong là Khai-quốc công thần tả doanh đại đô đốc, thượng trụ quốc, thượng trật quận tước.

Năm tuổi 70, xin về trí-sĩ mất ở cố hương (6) tặng Thái-bảo Thạch quốc-công ban cho ruộng ba mươi mẫu ở bản-quán để dùng vào việc tế tự.

PHÚC-YÊN-CÔNG, sự-tích và hành trạng không chép rõ-ràng.

Phúc-yên công sinh ra ĐỨC-GIANG HẦU.

Hầu tên húy là gì không thấy chép, là con Phúc-yên công, là cháu nội Thạch-quốc-công.

Thiếu-thời, làm gia-linh (quan coi việc nhà) cho Gia-vương khi còn ở nơi tiềm-đề (tức sau này là vua Lê Thánh-Tôn).

Nam Canh-thìn (1460), các quan đại-thần là bọn Nguyễn Xi phế bỏ Nghi-dân, đón Gia-vương về lên ngôi, ông cũng theo phù tá. Dư-đảng của Nghi-dân bị giam và bị giết hết. Vì có công dục-đời, ông

được phong Điện tiền cầm-y hữu hiệu diêm.

Năm Canh-dần (1470) vua Chiêm-thành là Trà-Toàn đem binh quấy rối miền Hóa-châu. Vua Lê Thánh-Tôn ngự giá thân-chinh, ông sung chức Tá-dực tướng-quân theo hộ giá, thẳng vào thành Đồ-bàn, phá tan kinh thành Chăm và bắt sống được Trà-Toàn. Ông được thăng Tham-đốc chưởng thần-võ tứ vệ quân sự-vụ Đức giang hầu.

Khi mất (7), được tặng Tĩnh-nạn công thần Đô-đốc thêm sự, lại ban cho ruộng 11 mẫu 5 sào để dùng vào việc tế-tự (8).

Con giai Đức-giang hầu là DƯƠNG SƠN HẦU.

Hầu tên húy là Đình, đời Chiêu Tôn nhà Lê, làm quan Chi hậu nội-thị.

Đến cuối năm Quang-thiệu (1516-1526) Mạc-dăng-Dung cướp ngôi, ông theo xa-giá về Tây-dô (Thanh-hóa).

Năm Ất-dậu (1525), Mạc-dăng-Dung đem binh vào bắc, vua tôi nhà Lê bị thua ở Lạc-thổ, vua Chiêu-Tôn bị ép về Đông-dô rồi bị hại. Ông theo hoàng-tử Ninh chạy trốn sang Ai-lao. Sau, các quan đại-thần là bọn Trịnh-duy-Liêu lập Ninh lên làm vua, tức là vua Lê Trang-Tôn, và mưu việc trung-hưng từ đấy.

Năm quý-mão (1543) ông cùng Thái-sư Chiêu-huân Tĩnh quốc-công (Nguyễn Kim) đem binh đánh các nơi Hoan, Diễn, Thanh-hóa. Sơn-nam, đều bình-địch cả. Về sau, mất ở Vạn-lại hành-tại (9). Ông làm quan đến chức Cầm-y vệ-úy, Điện tiền đô hiệu diêm ty tả hiệu diêm Dương sơn hầu, tặng Trung-hưng công thần Đô-đốc Đồng tri.

Con giai Dương-sơn hầu là HÙNG-QUẬN-CÔNG.

Ông húy Phủ thuở nhỏ học tập binh thư, lầu-thông võ-lược. Ban đầu, ông coi giữ cấm-binh và phụng-thị ở Lam-sơn hành tại.

Năm Đinh-mùi (1547), phụng mệnh đem binh lược định các huyện Thiên khai...

Năm Ất-mão (1555), theo Thái-sư Lạng-quốc-công Trịnh-Kiểm đi trận.

Lúc ấy, Mạc kinh-Điền đem binh thuyền hơn trăm chiếc tiến vào cửa bể thần-phủ chia đường tiến đánh.

Trịnh Kiểm đem binh chống đánh nhưng hằng bất lợi. Triều-đình lấy làm lo lắng. Ông mật bày cơ-nghị, xin đặt phục binh ở hai bên bờ sông. Trịnh Kiểm nghe theo. Khi kéo đến, giặc quen mũi bấy lâu vẫn thường thẳng, nên nay không phòng-bị. Hai bên quân phục xông ra, đánh ập lại; quân nhà Mạc chết lấp đầy sông; tướng nhà Mạc bị bắt sống ở dưới núi Kim-sơn; bên Mạc mất hết, tất cả thuyền bè và súng ống. Mạc-kính-Điền phải bỏ trốn về Đông-đô (Thăng-long). Từ đấy họ Mạc ngày suy dần và nhà Lê mới có cơ tiến lấy được Đông-đô.

Rồi ông mất ở An-dương hành-tại, làm quan đến chức Điện tiền thị-vệ cầm y diêm, Hùng-sơn hầu. Về sau vì con giai là Đinh-văn-Tả có công lớn, và vì có công-trạng, theo đòi từ lúc mới trung hưng,

ông được tặng Trung-hưng công-thần, Thái-bảo thượng trụ quốc, Thượng trật Hùng quận-công gia-phong Đại-vương.

Ông ĐINH-VĂN TẢ là con giai của Hùng quận-công.

Ông Đinh-văn-Tả sinh ra (10) chưa đầy nam thì mồ-côi cha, cơ-khở linh-định, không nương-nhờ vào đâu; bà mẹ mới đem về làng. Nhớn lên, lạc sỏ, ông phải xuống làm thứ-dân (11).

Nam ngoài 20, sức mạnh khác thường, ông lại giỏi nghề bắn cung. Vì ông là người lỗi-lạc, không uốn mình theo cương-kháp, nên được bốn phương hào-khết đều hướng lòng về với ông. Tiếng vang khắp cả, sợ lụy có lỗi, ông mới đem cả bọn về kinh Thăng-long tạ tội, chúa Trịnh giận, sai đem giam vào Công-đình.

Một ngày kia, qua trường bắn xem tập, cười bảo mọi người rằng: « Lũ các anh vô tài, an phí của kho nhà nước! » Khảo-quan nghe thấy khiến vào thử bắn. Ông bắn nhẹ và nhanh, phát nào cũng trúng. Khảo quan lấy làm lạ về cái tài của ông, liền đem việc tâu lên vua và được nhà vua cho vào diện yết. Ông nhận tâu rõ huân-lao của tiên tổ. Vua Lê Thần-Tôn xem tâu, dụ rằng: « Gia-thế người là nhà trung nghĩa, ai cũng biết; nay người tuy có lỗi, nhưng cho theo việc quân để lập công ».

Liên khi ấy ông được đặc cách trao chức giữ binh đề phụng-thị. (Còn nữa)
TIÊN-ĐAM

1) Cõi Tri - Tân số 89 ngày thứ năm 1er avril 1943

2) Hàn-giang danh tướng liệt truyện của Đinh gia-Nghị soạn; Gia-phả họ Đinh của Đinh gia Mai soạn.

3) Bài tựa đề niên-hiệu Thành - thái thứ ba tháng 10, ngày 20.

4) Ông Đinh gia - Nghị đỗ cử nhân khoa Binh ty (1576) đỗ Tỵ - được làm Tri phủ Lâm-tì an.

5) Theo Gia phả bằng văn bản của ông Đinh gia - Mai làm ở Vinh - yên ngày 12 Juin 1936, thì họ Đinh là dòng-dõi vua Đinh Tiên-hoàng vì tránh nạn Đỗ thích mà di-cư ra trấn Hù-dương đã ngót 1000 năm.

6) Mộ táng tại thôn Phụng - độ thuộc xã hàn hương (theo Gia phả Đinh - gia - mai)

7) Mộ táng ở xứ Mĩ gọi (theo gia - phả Đinh-gia-Mai)

8) Nay từ đường ở vào đất này, miền huyện Gia long, ruộng tự - điền nay bị sát nhập tỉnh thành, chỉ còn một khoảnh từ đường thôi.

9) Về sau cháu là Đinh-văn - Tả rước hải, cốt về an táng tại Nhị tràu thuộc phủ Nam sách. Gia phả Đinh gia Mai)

10) Sinh tại Thanh-hoa (vì bấy giờ hưng quận công đang phụng thị vua Lê ở An trường hành-tại năm thứ 22 niên hiệu Quang-hưng (1549) (Gia phả Đinh gia Mai)

11) Trong Gia phả và Hàn giang danh tướng liệt truyện đều chép truyện thần nhân hiện lên mách báo ông đem hải-cốt tể ty táng vào kiêu đất tiếp phước « nđ yêu đời an, và tướng trọng quyền », nhưng do chỉ là một việc sai huyền bí, vì có thay chép nên chúng tôi ghi dưới đây, nhưng cũng chỉ là một sự mê tín mà thôi.

Sổ lục-quyên sùng tu phần mộ cụ thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa

(Do hội Khuyến-học Cần thơ tổ-chức)

1. — Quan chánh chủ tỉnh Cần-thơ ông De Montaigne . 30\$00
2. — ô. Trần-văn-Mãng, đốc-phổ-sứ (Cthơ) . 5 00
3. — ô. Hồ-văn-Sĩ, tri huyện (Ct) 3.00
4. — ô. Võ-Hiếu-Đề, hội trưởng Hội Canh nông Cầnthơ. . 20.00
5. — ô. Trần-văn-Tỷ, chánh toa áo đỏ. . 20.00
6. — ô. Trần-Kim-Quan, bảo chế sự (Saigon). . 100 00
7. — ô. Đồng Ngộ - Diêu, y-sĩ (Cầnthơ). . 10 00
8. — Gia quyến Cao-Văn (11) 21 00
9. — An danh. . 50 00
10. — ô. Cao-Thiếu-Toà, diện chủ (Rachg) . 20 00
11. — Văn Đoàn Nam Kỳ (Saigon) 20 00

Cộng chung... 298\$00

(Còn nữa)

Hội Khuyến-học Cần-thơ lại cáo

Giá báo

Mỗi số	0\$ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giá tiền 1r r r

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 22

NGUYỄN HUY TƯỜNG

NÀNG giật mình khi nghe Đặng-Lân truyền lấy chày sắt tra khảo Bảo kim. Nàng lống cuống, thốt kêu.

Trời ơi, chày sát nện vào thì còn chi là dân gối người ta nữa. Phò mã ơi! Đừng giở trò ấy ra, em xin Phò mã.

Đặng-Lân khoan-khoái trong người khi thấy Quận-chúa gọi mình là phò-mã, nhời nói êm như ru, trong như ngọc rót bên tai. Hắn cầm lấy tay quận chúa, nàng đề nguyên cho hắn, cầm Đặng-Lân nhìn nàng và hỏi:

— Tôi nghe ái-nương là người yêu van-tự vì thế hay xướng họa tới bọn Bảo kim, chắc hẳn cũng có ít nhiều tình ý.

— Sao phò mã lại có sự nghi ngờ ấy?

Liếc mắt nhìn, nàng thấy mặt Đặng-Lân đầy một vẻ xỏ-xiên. Hắn cười tự đắc:

— Biết đâu đây! Biết đâu tôi không bị người tranh trước!

Lòng Quỳnh-Hoa sôi lên, cả cái phẩm ách thanh cao của nàng lấy làm chướng vì những nhời nói đê-liện ấy. Trông nàng, lúc ấy, có một vẻ oai nghi nhưng kiều-mị lạ lùng. Đặng-Lân vòng tay ôm lấy thân ngà ngọc. Nàng nói:

— Trong ngày cưới, phò-mã đã giết hai vị đại thần, không phải là một tương-triệu. Xin phò mã đừng bày trò tra khảo ra nữa, em xin phò mã.

Đặng-Lân bấy giờ ngất-ngáy vì sắc đẹp của Quỳnh-Hoa, hắn quay đi bảo Bùi-Đăng:

— Thôi, tha hình-phạt khảo chày cho chúng nó. Dẫn chúng nó xuống nhà giam. Hôm nay là ngày vui của cậu và Quận chúa. Mai kia hồi tội

chúng cũng vừa.

Hắn điu quận-chúa vào trong lầu, nàng bần rần cả người, mặt xanh nhợt đi. Khi Đặng-Lân đặt Quỳnh-Hoa lên giường thất bảo, thì nàng mê man bất tỉnh, mặc thân cho kẻ giày-vò.

Trong khi ấy, Bảo-Kim bị Bùi-Đăng dẫn xuống nhà giam. Trông lên lầu, chàng bỗng choáng váng đầu. Óc, tim như bị muôn phát kim đâm, chàng nói một mình: «Thà ta đừng biết nàng cho xong Quận-chúa! Quận-chúa! Thôi thế là hết...»

Các bạn Bảo-Kim cũng lặng thinh, như thể chia xẻ cùng chàng những nỗi trầm-thống...

VI

Khi Nguyễn-Mại đến nhận chức Hộ-thành bình mã sứ, chàng lấy làm lạ rằng công-việc không có một chút gì là tờ chức cả. Binh-linh thì uể oải, ngựa thì gầy yếu, việc tuần phòng thì sơ sài, công văn thì bề-bộn. Hỏi các thư lại, thì họ đối đáp mơ hồ, ần huy, không rõ-rệt một điều gì.

Hôm trước chàng đem gia quyến lai kinh — mẹ chàng không theo đi, vì muốn tránh nơi phồn hoa đô-hội — thì hôm sau chàng ra công đường làm việc. Tuổi quá trẻ trung của quan hộ thành đối với một chức vụ rất hệ-trọng làm cho bọn ti-thuộc kinh ngạc. Nguyễn-Mại thức suốt đêm, xem hết những công-văn, những đơn-từ giấy má trong số đó có hàng 30 lá đơn khiếu-nại Đặng-Lân vì tội hãm hiếp và giết người, lấy của. Chàng thảo một tập sớ rất dày, đề nghị một chương-trình cải cách tuần-phòng rất chu-đáo và xin nghiêm trị tất cả mọi người trái phép, bất luận hoàng-thân quốc-thích. Chương-trình cải-cách của

chàng được chúa duyệt ý, nhưng những đơn khiếu nại Đặng-Lân không thấy trả về.

Chàng biết rằng đó chỉ là một sự tất nhiên, nên không lấy gì làm phật ý. Chàng đem hết cả tài lực, nhiệt-thành, khôn-khéo ra tỏ-chức lại công việc tuần-sát trong kinh thành, chỉ có mấy hôm, kết quả đã rực-rỡ. Kinh thành đã thấy thực hiện một nền trật-tự mới mẻ mà dân thường khao-khát cái tên Nguyễn-Mại đã được mọi người nói đến một cách kính phục.

Nhưng nổi canh-cảnh trong lòng Nguyễn-Mại là việc Đặng-Lân. Ngay khi tới kinh thành tin Quỳnh-Hoa bị chúa ép gả cho Cậu trời đã khiến chàng tức-giận. Tức-giận nhất là vì cuộc nhân duyên ấy sẽ làm khó công việc triều-trì Đặng-Lân mà chàng dự định. Một tầng khó nữa là bọn ti-thuộc cứ nghe thấy nói cậu trời là sợ khiếp đảm đi.

Nguyễn-Mại một mặt nêu cao tình thần vị nghĩa, một mặt dạy cho thuộc-hạ những môn võ rất hóc hiểm.

Lòng hào hiệp, tri quàng-minh, sự săn-sóc, nhất là tài điều-khiển của chàng đã đem lại cho quan Hộ-thành trẻ tuổi những tay sai đắc lực tận-tâm.

Một hôm, chàng triệu-tập mọi người lại, hiệu-dụ:

— Các người cứ thẳng tay làm việc. Kể nào trái phép, bất luận sang hèn, cứ giải nộp. Tội-vạ đâu, đã có bản chức chịu. Trong khi thừa hành chức vụ, các người không bao giờ được đo-dự, hèn nhát. Nên nhớ rằng lúc nào các người cũng được bản chức bênh-vực cho đến cùng. Bản chức thà chịu chết còn hơn để các người mang vạ. Bản chức chỉ yêu cầu các người có thể. Sau nữa

bản chức khuyên anh em không được lòng hành, không được vô lễ lúc nào cũng phải tươi cười nhã nhặn đối với mọi người. Bản chức mong rằng các người sẽ hết sức giúp bản chức, và cố làm sao cho nhà họ hành nêu được tấm gương đại nghĩa cho nhân-gian.

Nguyễn-Mại còn sai treo một cái biển và một cái trống lon ngoài cổng nha và bá cáo cho nhân dân ai có điều gì muốn, kêu từ việc trộm cắp đến những điều oan ức, thì cứ tới nha Hộ thành mà đánh trống xin vào, chàng sẽ xét cho ra nhẽ.

Một hôm, chàng đến chơi Nguyễn Thị - lang phu - nhân, và đề thăm Bảo Kim

Thấy bạn không có nhà và phu-nhân râu - râu chàng hỏi thì phu-nhân đáp :

— Kim xin phép đi chơi ba ngày, nay đã mười hôm chưa về. Mấy hôm nay bác nóng ruột quá chán đã biết đó : Em đi đũa, thường dùng hện thì về, không bao giờ lại quá lâu như thế. Bác chỉ sợ có sự gì xảy ra, thì bác đắc tội với bác trai nhiều lắm.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

Việc khôi phục nước . . .

(Tiếp theo trang 7)

ruợu và nửa con gà ra mời Odendhal : Odendhal từ - chối nói rằng hơi mệt rồi trao cho viên thông-ngôn người ta ăn. Bọn tôi-tớ hầu cận nhà vua, thấy vậy rất lấy làm bất bình nhưng phải nín thinh, vì lệ mời ruợu gà cùng trao đổi vòng xuyên là một lệ rất quan-trọng đối với bọn Hỏa - xá. Odendhal tuy là một nhà thám-hiêm lâu năm kinh - nghiệm song vẫn còn thua bọn Nguyễn-văn-Quyền, Lê-văn-Quyền ở chỗ ấy. Chính chỗ khuyết-diểm đó đã đưa Odendhal tới cái chết thảm-khốc.

Lạ gì nhà khảo cổ bao giờ cũng hiểu-kỳ. Odendhal tò-mò dò xem

cho được chiếc gươm thần của vua Hỏa-xá. Bọn Mọi thấy Odendhal là một người lạ không hề giống với sử an-nam mọi lần một chút nào ; khi thấy Odendhal hỏi đến gươm báu, ai nấy đều sinh nghi. Họ lại thấy Odendhal viết thư sai người mang về gửi cho Tòa Khâm, chúng tưởng Odendhal viết thư lấy binh lên đánh chiếm cây gươm báu. Odendhal vẫn chưa biết lòng nghi ngờ bọn Hỏa-xá, sau khi đổi vòng xuyên xong, Odendhal tưởng chúng đã lòng phục, nên ngày 31 mars 1904 đánh giầy thép về cho Tòa khâm biết.

Bảy ngày sau 7 Avril 1904, Odendhal lại mang đồ-vật dâng cho bọn Hỏa xá, Odendhal vừa đi vào nhà, bất ngờ bị bọn mọi mai-phục sẵn đồ ra trói gò lại rồi đâm chết ngay. Ba người Annam theo hầu cũng bị chung một số-phận. Thi-hải cả bốn người đều bị đem ra hỏa-táng trước cổng làng. Một tên đầy tớ người Lào theo hầu Odendhal chạy thoát được, lập tức về báo cho viên đồn Cheoreo hay. Viên đồn tức khắc mang binh đến thời chỉ thấy mấy năm xương cháy chưa hết mà thôi. Những xương lợm được đem gửi về Sông-Cầu, ngày 15 Mai 1904 làm lễ an-táng rất long-trọng.

Hai năm sau người ta lại lợm được một ít xương nữa ở chỗ hỏa-táng khi trước, cũng đem về Sông-Cầu chôn chung vào một chỗ.

Mã Odendhal tuy ở Sông-Cầu, nhưng trường Viễn-dòng Bác-cổ lại có xây một cái đài kỷ-niệm Odendhal rất nguy-nga ở gần Tourcham (Phan - Rang) vì lúc trước Odendhal làm công-sứ Phan-rang có công khảo-xét những di-tích lâu-đài của người Chăm

Sau vụ ám-sát đó, Chánh-phủ phái quan Giám-bình Vincillioni đi lùng bắt bọn thủ-phạm. Sang năm 1905, quan Giám-bình Kebard bắt được chánh-phạm là Patau-Pui (2)

Thế rồi từ đó nước Thủy-vá và Hỏa-vá bị diệt. Những đều bí-mật rừng-rợn trong chốn núi non của họ bị pha tan bởi mấy tiếng súng quốc-vương không còn oai-linh bằng mây vị đồn Trà kê, Cheoreo Morack v. v... và cây gươm thần thời, theo lời một tên tù trưởng (Sambram hiện bị giam), tự nhiên bay biên đầu mất.

HOÀI-DUNG

Sách kê-cứu

Đại Nam chinh - biên liệt - truyện quyển thứ 32

Đại Nam nhất thống chí

L'Indochine Française par Far Eastern association of tropical Médecine.

Bulletin des Amis du Viêt Nam
Huế N° 4 année 1929

Việt-Nam sơ lược của Trần trọng-Kim

Tài-liệu lấy tại chỗ.

1) Je soussigné, Administrateur en mission au Laos déclare refuser l'escorte qui lui a été offerte par le garde Ppal Stenger pour aller chez les Sadeles.

Paleo - Chu 24 Mars 1940 —
ODENDHAL

2) Tiếng chàm Patau-Apuei cũng như Hỏa-vương

BÁN ĐẤT.

Vì không dùng muốn bán :

1-) 8.000 thước đất giá 20\$ một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).

2-) 2.500 thước giá 15\$ một

Hỏi : ó. Phạm-mạnh-Phan
số 34 Ngõ Mai Hương

BẠCH MAI

Sách của thư-xã **Alexandre de Rhodes**

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối-chiếu.

150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUYNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.

Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23

Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Vergé bouffant 7 \$ 00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nữ

Ngót 100 trang khổ 12×17

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy gió 4 \$ 00

TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy gió 5 \$ 00

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

*Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUYNH

100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23

Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00

SẮP XUẤT BẢN

Traduction du Kim Vân Kiều (tome II)

của Ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH (trọn bộ)

Tổng phát-hành **Mai-Linh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

Đã có bán

ỐC KHOA HỌC

CUỐN ĐẦU TRONG BỘ

SỨC KHỎE TINH THẦN

của P. N. KHUÊ

Giá : 2 \$ 20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « Sức khỏe mới » dẫn các bạn đi tìm

Ốc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống hiện-tại ngày nay.

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0 \$ 10 đảm bảo về ông giám đốc.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC

71 Tiền Tsin — Hanoi

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN

MỘT DANH-TỪ,

MỘT THÀNH-NGŨ,

MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA

ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập **SỬ HỌC**

của cụ Lại Bộ **PHẠM QUỲNH**

ĐÃ CÓ BÁN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

Những thanh-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng, dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu trong khi đọc sách và nhất cho các học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền **NGUYỄN VĂN MINH**

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như **NGUYỄN VĂN NGỌC**

Sách khổ rộng 16 × 25 Giá... 5 \$ 00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0 \$ 70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi - HANOI

51, Doumer HAIPHONG

Mua buôn xin viết thư thương-lượng.